



BKG VIETNAM

BẢN CÁO BẠCH

Công ty cổ phần đầu tư BKG Việt Nam



Tầng 4 tòa nhà HPC Landmark 105,
Tổ Hữu, P. La Khê, Hà Đông, Hà Nội



024 2283 2468

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, thay đổi lần thứ 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: **840**/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM cấp ngày **21** tháng **12** năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, Đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.2283.2468

Fax: 024.2283.2468

Website: <http://bkgvietnam.com/>

Email: info@bkgvietnam.com

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Lầu 6, số 88 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3942 8076

Fax: 024 3942 8075

Website: <http://www.sbsc.com.vn/>

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Đặng Phước Đức

Chức vụ : Thành viên Ban Kiểm soát

Số điện thoại : 024.2283.2468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, thay đổi lần thứ 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng khối lượng niêm yết: 32.000.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 320.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Toà nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3742.5888

Fax: 024.3757.8666

Website: <http://kiemtoanttp.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN –
CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Lầu 6, số 88 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3942 8076

Fax: 024 3942 8075

Website: <http://www.sbsc.com.vn/>

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro tăng vốn nhanh.....	14
5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán.....	15
6. Rủi ro khác	15
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG	
BẢN CÁO BẠCH	16
1. Tổ chức niêm yết.....	16
2. Tổ chức tư vấn	16
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	17
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	18
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	24
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	25
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 10/04/2020.....	31
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty niêm yết, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty niêm yết.....	33
6. Hoạt động kinh doanh	37
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	62
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	65
9. Chính sách đối với người lao động	69
10. Chính sách cổ tức	71
11. Tình hình tài chính	72
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	80
13. Tài sản.....	92
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	95
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	101
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....	101

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	101
PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	102
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	102
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	102
3. Mã chứng khoán BKG	102
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 32.000.000 cổ phiếu.....	102
5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 320.000.000.000 đồng....	102
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	102
7. Giá trị sổ sách.....	103
8. Phương pháp tính giá	103
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	107
10. Các loại thuế có liên quan	107
PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	110
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	110
2. Tổ chức tư vấn	110
3. Tổ chức kiểm toán.....	110
PHẦN VII. PHỤ LỤC	111

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty	23
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/04/2020	31
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 10/04/2020.....	32
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 10/04/2020.....	33
Bảng 5: Tình hình tài chính các công ty con	36
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2018-2019 và 9 tháng năm 2020.....	42
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2018 – 2019 và 9 tháng năm 2020.....	45
Bảng 8: Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, thiết bị và nguyên vật liệu đầu vào.....	48
Bảng 9: Tỷ trọng chi phí của Công ty năm 2018 – 2019 và 09 tháng năm 2020	51
Bảng 10: Một số máy móc chính của Công ty	57
Bảng 11: Danh sách một số hợp đồng chính đã và đang thực hiện.....	60
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	62
Bảng 13: Đánh giá một số Công ty cùng ngành của BKG Việt Nam	66
Bảng 14: Tình hình lao động của Công ty.....	69
Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định.....	72
Bảng 16: Các khoản vay	73
Bảng 17: Chi tiết các khoản vay của Công ty.....	74
Bảng 18: Hàng tồn kho	75
Bảng 19: Các khoản phải thu.....	76
Bảng 20: Các khoản phải thu ngắn hạn theo đối tượng của Công ty	77
Bảng 21: Các khoản phải trả.....	78
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính.....	79
Bảng 23: Tình hình tài sản hợp nhất của Công ty giai đoạn 2018 – 2020 (<i>Đơn vị: đồng</i>).....	92
Bảng 24: Danh mục một số máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty.....	94
Bảng 25: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty	95
Bảng 26: Các hợp đồng dự kiến trong năm 2020 - 2021.....	97
Bảng 27: Một số hợp đồng ký mới với các dự án xây dựng và đối tác	99
Bảng 27: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	102
Bảng 28: Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (<i>DVT: đồng</i>).....	103

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2008 -2019	7
Hình 2: Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2019	9
Hình 3: Diễn biến tỷ giá USD/VNĐ giai đoạn T1/2015 – T10/2019.....	11
Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	25
Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	26

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào được đề cập dưới đây. Những rủi ro và khả năng không chắc chắn khác mà Công ty chưa đề cập hoặc đánh giá là không đáng kể, cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BKG Việt Nam và vì thế ảnh hưởng đến giá cổ phần của Công ty sau khi niêm yết.

1. Rủi ro về kinh tế

Kết thúc năm 2019, kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy nền tảng mạnh mẽ và khả năng chống chịu cao, nhờ nhu cầu trong nước và sản xuất định hướng xuất khẩu vẫn ở mức cao. Số liệu sơ bộ cho thấy GDP thực tăng khoảng 7% trong năm 2019, gần với tỉ lệ tăng trưởng năm 2018 và Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực. Tuy nhiên với một nền kinh tế có độ mở cao, thời gian tới Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ xu thế tăng trưởng chậm của nền kinh tế thế giới và sự nổi lên của nhiều nước lớn trong thập niên tới, gắn với chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, mâu thuẫn địa chính trị, chính sách tiền tệ khó dự đoán của các nước, nợ công các nước tăng cao... Đồng thời, Việt Nam cũng tiếp tục chịu tác động của các xu thế đa cực địa chính trị, xu thế già hóa của dân số, cách mạng công nghệ 4.0, xu thế hình thành các mega-FTA và gia tăng tính kết nối khu vực, xu thế dịch chuyển dữ liệu xuyên biên giới, tác động của biến đổi khí hậu, sự nổi lên của Châu Á với 2 quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ trong khi đồng USD sẽ giảm dần sức mạnh vốn có.

Và đặc biệt, từ đầu năm 2020 dịch COVID-19 (SAR-COVI 2) khởi nguồn từ Trung Quốc đã và đang bùng phát ở 212 quốc gia, vùng lãnh thổ, làm hàng triệu người nhiễm bệnh, làm chết hàng trăm nghìn người và sẽ còn để lại tác động đa diện về kinh tế-xã hội, không chỉ cho Trung Quốc, mà còn cả thế giới, trong đó có Việt Nam. Theo kịch bản cơ sở của Citi Research (công bố ngày 7/4/2020), kinh tế thế giới sẽ suy thoái, tăng trưởng -2,3% năm 2020 (so với mức tăng trưởng 2,6% năm 2019, suy thoái hơn mức -1,7% năm 2009), trong đó tăng trưởng GDP của Trung Quốc chỉ khoảng 2,4% (so với mức tăng 6,1% năm 2019), của Mỹ -2,6% (so với mức tăng 2,3% năm 2019), của Nhật Bản -1,9% (so với mức tăng 0,7% năm 2019) còn khu vực đồng tiền chung Châu Âu thậm chí tăng trưởng -8,4% (so với mức tăng trưởng 1,2% năm 2019).

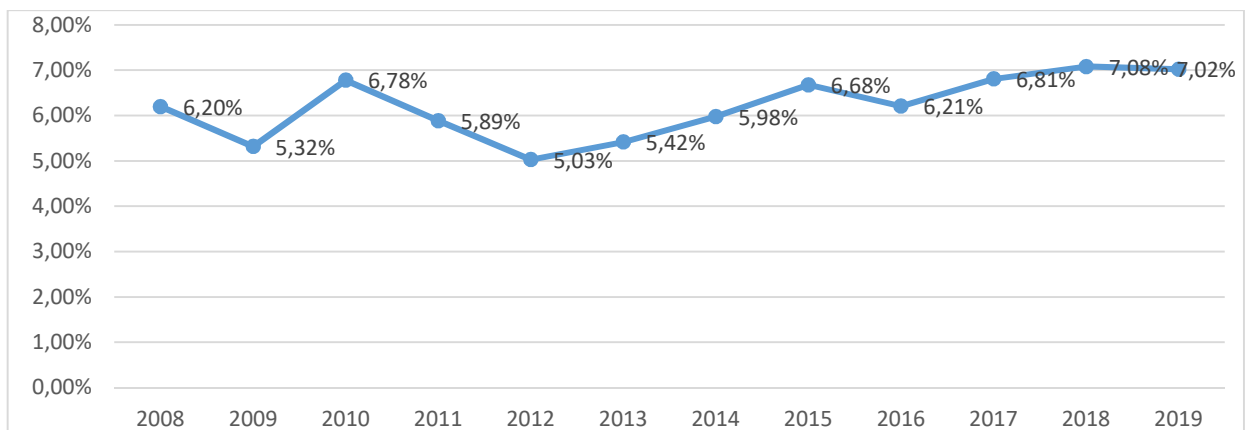
Việt Nam cũng sẽ là đất nước chịu tác động trực tiếp cũng như chịu ảnh hưởng mạnh từ cả phía cầu và cung. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2020 chỉ tăng 1,81%, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020 (*riêng quý II/2020 chỉ đạt 0,36%*). Dịch càng kéo dài, sự ảnh hưởng đến nền kinh tế càng nghiêm trọng hơn, mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm 6,8% là rất thách thức và khó đạt được.

Nếu tình hình bệnh dịch không tái phát trong nước trong thời gian còn lại của năm 2020, hoạt động kinh tế nội địa có khả năng sẽ dần trở lại bình thường. Tuy nhiên dịch Covid-19 ở nhiều trung tâm kinh tế - tài chính quan trọng trên thế giới được giả định có khả năng tái bùng phát hoặc khiến các nước phải kéo dài thời gian phong tỏa, ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam và nhu cầu du lịch, lưu trú tại Việt Nam. Theo đó, mức độ tác động của Covid-19 lên các ngành nông lâm ngư nghiệp, sản xuất chế biến chế tạo và các ngành trong khu vực dịch vụ sẽ nghiêm trọng hơn. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm được dự báo ở mức 3,8%. Nhìn chung, tăng trưởng trong các ngành nghề sẽ khiêm tốn, trong đó các ngành bị ảnh hưởng nặng nhất bao gồm dịch vụ lưu trú, ăn uống, ngành khai khoáng và ngành kinh doanh bất động sản.

❖ Về tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, tình hình kinh tế xã hội năm 2019 có nhiều chuyển biến tích cực, đạt tăng trưởng kinh tế ở mức 7,02% và vượt với mục tiêu đề ra. Trong mức tăng trưởng 7,02% của toàn nền kinh tế, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,29%, đóng góp 34,49% và khu vực dịch vụ tăng 9,12%, đóng góp 41,64% mức tăng trưởng chung.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2008 -2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Tuy nhiên, bức tranh kinh tế Việt Nam bốn tháng đầu năm 2020 đã chuyển sang gam màu xám do đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh vừa đối mặt với dịch bệnh, vừa duy trì hoạt động sản xuất, GDP cả nước tăng trưởng 1,81% trong 6 tháng đầu năm 2020. Trong đó, động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (bán buôn bán lẻ tăng 4,3%, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%). Riêng GDP quý II/2020, ước tính tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý II các năm trong giai đoạn 2011-2020. Nguyên nhân là do quý II/2020 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch COVID-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp

nhằm giảm cách xã hội; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,38%; khu vực dịch vụ giảm 1,76%.

Tình trạng thiếu nguyên liệu nhập khẩu đầu vào phục vụ sản xuất gây ảnh hưởng nặng nề đến ngành công nghiệp. Một số ngành công nghiệp cấp II có chỉ số sản xuất giảm sâu, như: sản xuất xe có động cơ, sản xuất đồ uống, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên, chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ... Bên cạnh đó, các sản phẩm công nghiệp chủ lực gồm bia, ô-tô, đường kính, xe máy,.. cũng giảm ở mức hai con số.

Điểm sáng của bức tranh kinh tế Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh là các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn về tài chính, tiền tệ, tín dụng cơ bản được giữ vững nhờ sự đồng lòng, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Vì vậy, là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại trong và ngoài nước các sản phẩm từ gỗ như: đồ nội thất, ván ép, các sản phẩm đầu vào từ gỗ sẽ chịu ảnh hưởng lớn và gặp nhiều rủi ro khi nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam đang bị tác động trầm trọng bởi dịch COVID.

❖ Về lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, lạm phát quá thấp kéo dài cộng thêm sự thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho nền kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn dễ dẫn đến suy thoái kinh tế.

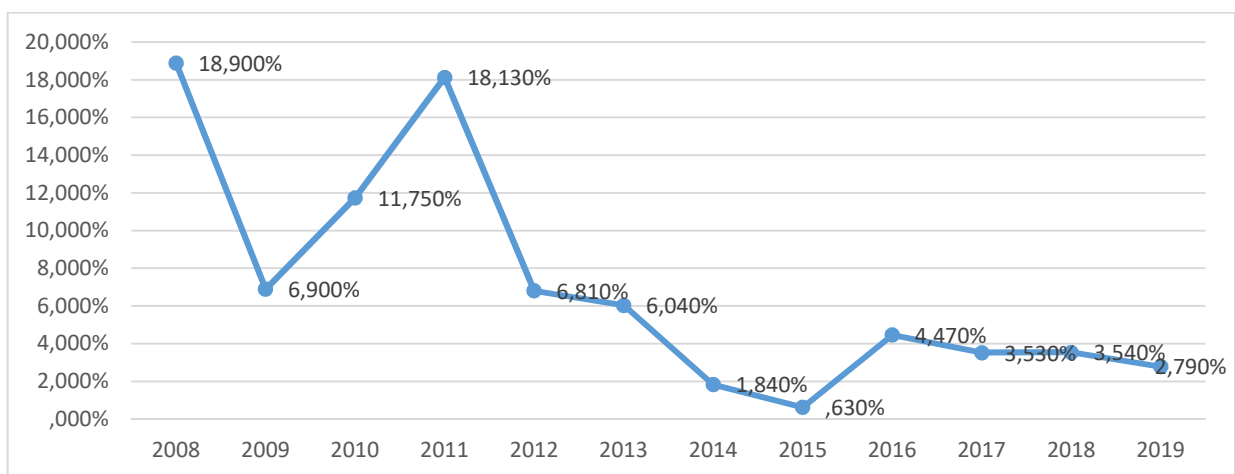
Trong lịch sử, lạm phát từng nhiều lần “bùng nổ” với mức tăng trên 2 con số. Điển hình như lạm phát năm 2008 tăng 23%, gấp khoảng 3 lần mức tăng GDP; năm 2010 ở mức 11,75%, gấp gần 2 lần mức tăng GDP. Lạm phát năm 2011 ở mức 18,58%, do giá thực phẩm, lương thực tăng mạnh. Nguyên nhân là những năm đó (2008 - 2010) tín dụng được “bơm” mạnh vào nền kinh tế (năm 2009 tín dụng tăng 37,7%). Còn đối với năm 2020, diễn biến bất ngờ từ dịch Covid-19 khiến giá các mặt hàng hạ nhiệt nhanh chóng so với cuối năm 2019, đặc biệt là giá xăng dầu, thực phẩm, điện, văn hóa, du lịch và giải trí. Thậm chí, giá các nhóm hàng do Nhà nước quản lý như y tế, giáo dục nhiều khả năng cũng sẽ được hoãn lộ trình tăng giá trong năm nay.

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế “Bất kể bệnh dịch kéo dài bao lâu, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ phá sản, Việt Nam cần đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cần giữ lạm phát và lãi suất ở mức thấp, tỷ giá ổn định, đầu tư công được thực hiện đúng mục đích và giám sát tốt, môi trường đầu tư được cải thiện, thì sau bệnh dịch, nền kinh tế sẽ hồi phục nhanh chóng. Ngược lại,

nếu để xảy ra lạm phát, mất ổn định kinh tế vĩ mô, Việt Nam sẽ mất nhiều năm tiếp theo để giải quyết các vấn đề không phải bệnh dịch, lúc đó nền kinh tế sẽ đình trệ”

Dịch bệnh Covid-19 đang gây ra cả cú sốc cung và cầu cho nền kinh tế. Tuy nhiên, từ góc độ CPI hạ nhiệt thì có thể thấy, tác động từ cú sốc cầu đang có phần lấn át cú sốc cung. Vì thế, nhiều khả năng, lạm phát năm nay sẽ dưới ngưỡng 4% và đây là tiền đề quan trọng để giảm lãi suất nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát chung của Việt Nam đạt 5,6% trong quý I/2020, cao hơn mức 4,9% của cùng kỳ 2019. Bình quân 6 tháng đầu năm 2020, CPI của Việt Nam tăng 4,19% so với cùng kỳ, cao nhất trong vòng 5 năm qua.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

❖ Về lãi suất

Từ cuối năm 2019, thị trường đón nhận những tín hiệu tích cực từ động thái điều chỉnh giảm lãi suất của nhà điều hành và các Ngân hàng Thương mại (NHTM). Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành hai quyết định chính thức có hiệu lực từ ngày 19/11/2019 về việc giảm lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng từ 1,0% xuống 0,8%; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. Cùng với đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng giảm từ 6,5%/năm xuống 6,0%/năm. Riêng lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của Quỹ Tín dụng Nhân dân và tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 7,5%/năm xuống 7,0%/năm.

Nhưng năm 2020, kinh tế toàn cầu đang bị ảnh hưởng trầm trọng từ dịch COVID, để hỗ trợ nền kinh tế chống chọi với ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới đã triển khai chính sách tiền tệ mở rộng như giảm lãi suất điều hành, nới lỏng định lượng.

Mặc dù vậy, chính sách tiền tệ và tài khóa có thể chỉ được xem là liều thuốc giảm đau nếu vấn đề nền tảng là dịch bệnh không được khống chế.

Trong bối cảnh nền kinh tế đứng trước nguy cơ suy giảm tăng trưởng do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đang diễn ra trên toàn cầu, NHNN đã có động thái giảm mạnh các mức lãi suất điều hành. Theo đó, NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn 6%/năm xuống 5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các NHTM từ 7%/năm xuống 6%/năm; lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4%/năm xuống 3,5%/năm. Đồng thời, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0,8%/năm xuống 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,0%/năm xuống 4,75%/năm. NHNN quyết định giảm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định từ 6%/năm xuống 5,5%/năm. Mức điều chỉnh lãi suất này bước đầu được đánh giá là thận trọng và phù hợp với diễn tiến điều chỉnh lãi suất của các nước và diễn biến chỉ số CPI của Việt Nam tăng cao trong 02 tháng đầu năm 2020.

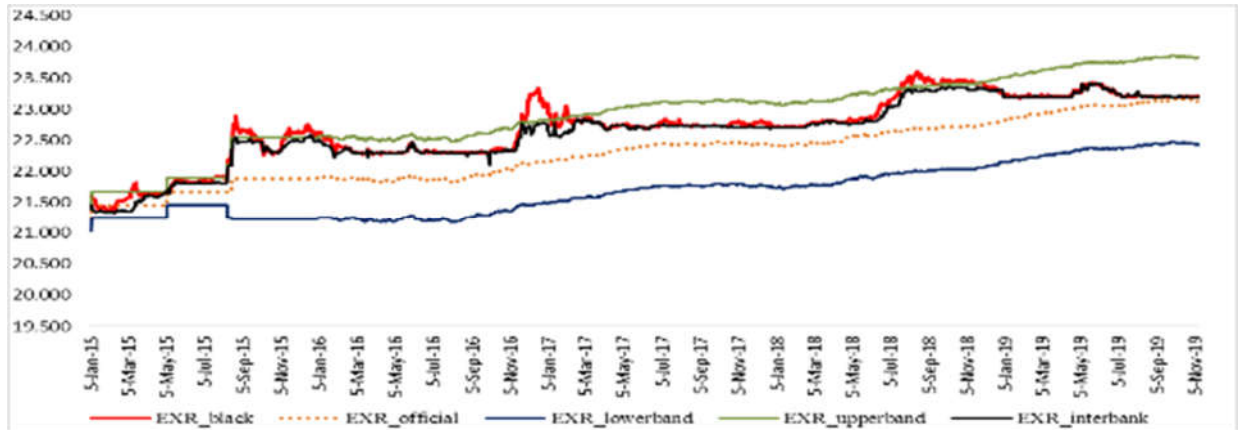
Hiểu được tầm quan trọng của lãi suất đến quá trình sử dụng vốn tín dụng nên Công ty luôn tìm cách quản trị rủi ro biến động lãi suất để thích ứng với các khó khăn trong thời gian tới. Công ty đang lên kế hoạch tìm kiếm các nguồn vốn có lãi suất thấp như: vốn đầu tư của khách hàng quốc tế, các tổ chức tín dụng... nhằm, tạo ra dòng vốn đối ứng để giảm thiểu rủi ro về nguồn vốn, tạo thêm động lực cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Về tỷ giá

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn biến phức tạp đã tác động đến biến động tỷ giá USD/VND và CNY/VND. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung khiến tăng trưởng của nhiều nền kinh tế giảm sút, lo ngại rủi ro chính sách tăng, các đồng tiền trong khu vực Châu Á mất giá mạnh (như: KRW -5,5%, MYR -3,3%, SGD -2,6% trong năm 2018), đặc biệt là đồng CNY. Đây là những quốc gia có nhiều mặt hàng có tính cạnh tranh với hàng xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Vì vậy, sự mất giá của các đồng tiền này ảnh hưởng không nhỏ sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Lãnh đạo nhiều Ngân hàng cho biết, với việc thị trường kỳ vọng mặt bằng lãi suất của Việt Nam sẽ giảm thêm trong thời gian tới thì áp lực đối với tỷ giá vẫn còn.

Hình 3: Diễn biến tỷ giá USD/VNĐ giai đoạn T1/2015 – T10/2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Trong năm 2019, doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu đồ nội thất ra thị trường quốc tế mới chỉ đạt khoảng 15,4% tổng doanh số, còn lại đến từ các hoạt động sản xuất thương mại các sản phẩm từ gỗ tại thị trường trong nước. Đến năm 2020, Công ty đặt ra mục tiêu đẩy mạnh phát triển hoạt động xuất khẩu hàng hóa nội thất ra thị trường quốc tế lên gấp 2-3 lần so với năm 2019. Vì vậy, việc tính toán dự phòng đối với tình hình tỷ giá ngoại tệ là rất cần thiết và ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Hải quan, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Ngoài ra, các sản phẩm gỗ xuất khẩu của Công ty phải đáp ứng theo các quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. Vì vậy, để giảm thiểu tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo về pháp lý với các đối tác chiến lược tại các nước sở tại và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty. Ngoài ra, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các luật và văn bản hướng dẫn sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp phát triển của nền kinh tế. Vì vậy, những thay đổi trong pháp luật và chính sách trong nước có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại các sản phẩm từ gỗ như: đồ nội ngoại thất, ván ép và các nguyên liệu từ gỗ khác phục vụ thị trường trong nước và quốc tế nên Công ty có khả năng gặp phải một số rủi ro đặc thù ngành như sau: rủi ro về vùng nguyên liệu, rủi ro về thị trường, rủi ro xuất khẩu...

Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ đạt trên 10,3 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2018, con số này trong 2 tháng đầu năm 2020 là 1,53 tỷ USD (tăng 10,1%) so với cùng kỳ năm 2019 (*lâm sản là một trong số ít mặt hàng nông sản vẫn có sự tăng trưởng cả về sản lượng và kim ngạch xuất khẩu*). Tuy nhiên, trong dài hạn, những tác động của dịch bệnh như hiện nay là không thể tránh khỏi.

Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc và EU tiếp tục là năm thị trường quan trọng nhất của Việt Nam, với kim ngạch từ các thị trường này đạt trên 9,3 tỷ USD, chiếm 90% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành trong năm. Trong đó, Mỹ đã trở thành thị trường khổng lồ của ngành gỗ Việt. Năm 2019, giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ từ Việt Nam vào thị trường này lên tới 50% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành từ tất cả các thị trường trong cùng năm.

Ngành gỗ biến động trước dịch Covid-19: Đánh giá cơ hội, rủi ro và dự báo thay đổi về các hoạt động xuất nhập khẩu của ngành năm 2020 trước bối cảnh thị trường biến động, dịch Covid-19, cũng như trước EVFTA, ông Nguyễn Tôn Quyền - Phó Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cho biết, đây là năm biến động đối với ngành gỗ, đặc biệt trước dịch Covid-19.

❖ Rủi ro về nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất đồ nội thất của BKG Việt Nam là gỗ, chiếm 60 – 70% giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động tới lợi nhuận của Công ty.

Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất nội thất đòi hỏi chu kỳ đầu tư khá dài. Vì vậy, trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung và dài hạn, ngành trồng rừng của Việt Nam chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, thường xuyên gặp phải tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ cho ngành chế biến và xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ Việt Nam. Hiện nay, Công ty vẫn chưa chủ động được vùng nguyên liệu và vẫn phải đi thu mua gỗ trong nước; do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu nhiều rủi ro về ảnh hưởng giá nguyên vật liệu.

Để đảm bảo cho vùng nguyên liệu và cung ứng kịp thời đầu vào cho các hoạt động sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tháng 5/2020 Công ty đã được UBND tỉnh Hòa Bình cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 25/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp cho Công ty Cổ phần

BKG Việt Nam về dự án trồng rừng nguyên liệu bền vững với diện tích là 491,43 ha, tổng mức đầu tư 50.000.000.000 đồng. Dự án đi vào hoạt động sẽ đảm bảo cho mảng sản xuất đồ gỗ của Công ty luôn ổn định được nguồn nguyên liệu đầu vào.

Ngoài ra, các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty cũng đều thuộc ngành nông lâm sản. Vì vậy, yếu tố đầu vào luôn ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Để tránh được các yếu tố tác động từ bên ngoài tới nguồn cung cấp đầu vào, Công ty đã và đang triển khai các kế hoạch xây dựng phương án kinh doanh phù hợp với thực tế và sát với các địa phương.

❖ **Rủi ro về cạnh tranh và hàng tồn kho lớn**

Bên cạnh tác động của dịch bệnh COVID-19, ngành gỗ và xuất khẩu gỗ cũng đã chịu ảnh hưởng của các vụ việc cạnh tranh thương mại trong những tháng đầu năm nay. Cụ thể, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã quyết định khởi xướng điều tra, gửi bản câu hỏi khảo sát về số lượng và giá trị xuất khẩu ván dán sang Mỹ cho 55 doanh nghiệp Việt Nam và yêu cầu các doanh nghiệp hoàn thành và gửi câu trả lời về DOC trước ngày 24/9/2020. Một vụ việc khác liên quan cạnh tranh thương mại đó là Hàn Quốc áp thuế chống bán phá giá tạm thời với ván dán của Việt Nam.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước giải quyết các vướng mắc, khó khăn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cùng chung tay với các doanh nghiệp chủ động chuẩn bị, có giải pháp ứng phó hiệu quả trong việc theo đuổi xử kiện thương mại của DOC, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp làm ăn chân chính, đồng thời phát hiện và phản ánh kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, thương mại tới những cơ quan chức năng để xử lý nghiêm, không làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành chế biến gỗ và lâm sản.

Về hàng tồn kho: Là một công ty sản xuất và thương mại các sản phẩm từ gỗ vì vậy lượng hàng tồn kho của Công ty luôn ở mức cao. Tuy nhiên lượng hàng tồn kho dự trữ lớn nhưng vòng quay hàng tồn kho của công ty tương đối lớn (5,45 lần năm 2018 và 3,83 lần năm 2019). Số lượng hàng tồn kho này được sử dụng thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Giá bán của thành phẩm đầu năm sau đều cao hơn giá ghi sổ của các mặt hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính của năm trước. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02-Hàng tồn kho, từ đoạn 18-22, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Hơn nữa, sản phẩm của Công ty chủ yếu sản phẩm sản xuất từ gỗ - ít có sự biến động giảm trên thị trường. Do đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Rủi ro về thị trường**

Theo Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), có 49 dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ trong năm tháng đầu 2019, quy mô vốn FDI của 5 tháng đầu 2019 lớn hơn 1,2 lần tổng số vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ trong cả năm 2018.

Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ từ Việt Nam vào Mỹ tăng rất nhanh, đặc biệt từ nửa cuối 2018: Từ 3,1 tỉ USD năm 2017 lên 3,6 tỉ USD 2018. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này tăng mạnh, bắt đầu từ nửa sau của năm 2018. Trong 4 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào Mỹ đạt gần 1,4 tỉ USD, tăng 1,4 lần so cùng kỳ 2018.

Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung làm phát sinh một số rủi ro mới trong đầu tư và trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu, việc mức thuế mới áp lên các sản phẩm gỗ từ Trung Quốc làm giảm tính cạnh tranh và lợi nhuận của các công ty có các hoạt động sản xuất tại Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Nghiên cứu cũng chỉ ra Trung Quốc là quốc gia cung cấp các sản phẩm gỗ lớn nhất cho Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt trên 30 tỷ USD. Trong khi đó Trung Quốc có các lợi thế như nhân công giá rẻ, thuận tiện về giao thông và hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt tiếp cận với các hệ thống cảng nước sâu.

Khi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung xảy ra, Việt Nam sẽ dễ trở thành địa điểm thu hút nguồn vốn đầu tư FDI mới trong ngành gỗ. Hiện nay, Việt Nam đã và đang đón nhận dòng đầu tư FDI mới vào ngành, đặc biệt từ Trung Quốc. Rủi ro đối với ngành gỗ Việt Nam sẽ xảy ra khi các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam vào Mỹ được hình thành từ Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam qua sơ chế, sau đó lấy chứng nhận xuất xứ Việt Nam vào Mỹ. Là một doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu sản phẩm từ gỗ, BKG Việt Nam đứng trước nhiều thách thức cạnh tranh ngành rất lớn trong thời gian tới.

Ngoài ra, cạnh tranh trong ngành sản xuất đồ gỗ nội thất cũng khá gay gắt với các doanh nghiệp trong nước khi nước ta có khoảng 3.500 công ty chế biến gỗ (với năng lực chế biến 2,2 – 2,5 triệu mét khối gỗ mỗi năm, trong đó có 450 công ty chuyên sản xuất, xuất khẩu), 340 làng nghề gỗ và lượng lớn các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh đồ gỗ.

4. Rủi ro tăng vốn nhanh

Trong năm 2018, Công ty thực hiện tăng vốn từ 40 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô sẽ tạo điều kiện phát triển cho doanh nghiệp, tuy nhiên cùng với đó là rủi ro về quản trị công ty cũng tăng lên khi quy mô tăng lên.

Đặc biệt, rủi ro sẽ càng cao nếu công ty phát hành cổ phiếu nhưng không chuẩn bị những phương án về nhân sự và tổ chức lại sản xuất kinh doanh để thích ứng với phần vốn huy động thêm. Tuy nhiên, Công ty đã có các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp khi tăng quy mô vốn đồng thời các rủi ro được tính toán theo lộ trình đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo vệ lợi ích cổ đông.

5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2019 và đầu năm 2020 là một bức tranh đa chiều, trong đó chỉ số VN Index ghi nhận trạng thái vận động khác nhau theo từng quý. Kết thúc 06 tháng năm 2020, chỉ số VN Index đang dao động quanh ngưỡng 870 điểm.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM sẽ giúp tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng. Bên cạnh đó cũng giúp Công ty có thể tiếp cận tới nhiều nguồn tài chính trong và ngoài nước khác nhau, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển và chuẩn mực hóa hoạt động quản trị công ty. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID dẫn đến thị trường chứng khoán đang chứa đựng nhiều rủi ro về mặt chỉ số. Điều đó cũng sẽ tác động tới biến động giá của cổ phiếu Công ty sau khi niêm yết. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là kiểm soát dịch bệnh trong thời gian này.

Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường nên sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty là một yếu tố khó lường trước.





6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

 Ông Trần Công Thành	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ông Nguyễn Văn Hưng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Ông Phạm Lương Bảo Ngọc	Chức vụ: Kế toán trưởng
 Bà Trần Ngọc Lan	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI

 Ông Nguyễn Văn Thành	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh
--	------------------------------------


(Theo Giấy ủy quyền số 07/2020/QĐUQ-TGD ngày 01/04/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nội tham gia hoàn thiện trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 01/HDDV ngày 01 tháng 07 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam cung cấp tại thời điểm tham gia lập Bản cáo bạch.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM**Từ, cụm từ****Ngữ nghĩa**

Công ty/BKG Việt Nam	: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
Tổ chức tư vấn/SBS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nội
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CĐNB	: Cổ đông nội bộ
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
DTT	: Doanh thu thuần
LN	: Lợi nhuận
CSH	: Chủ sở hữu
TTS	: Tổng tài sản
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
GDP	: Tổng thu nhập quốc dân
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	: Giá trị gia tăng
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
VĐL	: Vốn điều lệ
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về công ty**

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	: BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BKGVIETNAM INVESTMENT.,JSC
Logo	:  BKG VIETNAM
Trụ sở chính	: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 024.2283.2468
Fax	: 024.2283.2468
Website	: http://bkgvietnam.com
Email	: info@bkgvietnam.com
Vốn điều lệ đăng ký	: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng)
Giấy CNĐKDN số	: 0106935814 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020.
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Nguyễn Văn Hưng – Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ Giấy CNĐKDN số 0106935814 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 17 tháng 02 năm 2020, Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629 (Chính)
2	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ loại cấm)	2011
3	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm) (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	
7	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
8	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
9	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
10	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
11	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác... Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
14	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
16	Phá dỡ	4311
17	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
20	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811

STT	Tên ngành	Mã ngành
21	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
23	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô-tô... Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay;	2813
24	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
25	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
26	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27	Trồng cây ăn quả	0121
28	Trồng cây lâu năm khác	0129
29	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
30	Chăn nuôi gia cầm	0146
31	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
32	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
33	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
34	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
35	Khai thác gỗ	0220
36	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
37	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
38	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
40	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
42	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
44	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất	4649

STT	Tên ngành	Mã ngành
45	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
46	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
47	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA) thành lập từ tháng 8/2015 với hoạt động kinh doanh chính là buôn bán thiết bị, máy móc trong ngành sản xuất gỗ và đồ nội thất. Kể từ khi thành lập cho đến năm 2017, Công ty chủ yếu vẫn trong giai đoạn nghiên cứu, thăm dò và thực hiện các công việc như tìm kiếm khách hàng, thị trường đầu vào và đầu ra, vùng nguyên vật liệu, nhà cung cấp... trong ngành này. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những năm đầu chưa nhiều và giá trị thực hiện chưa cao. Đến năm 2018, sau quá trình nghiên cứu thị trường và đề tặn dựng thể mạnh từ các nhân sự chủ chốt cũng như thay đổi mô hình phát triển công ty, Ban Lãnh đạo đã quyết định tiến hành tái cơ cấu và chuyển dịch ngành nghề kinh doanh chính sang đầu tư sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồ nội ngoại thất, sản phẩm từ gỗ và nguyên liệu lâm sản, nông nghiệp sạch. Cũng trong năm 2018, Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 320 tỷ để đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất nội thất và kinh doanh các sản phẩm trong ngành gỗ, theo đó Công ty đã đầu tư mua để sở hữu 02 công ty con trong lĩnh vực sản xuất nội thất, Công ty Cổ phần Gỗ BKG và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home; 01 công ty trong lĩnh vực nông nghiệp – Công ty Cổ phần thực phẩm lành Mai Châu. Phần vốn còn lại được bổ sung vào nguồn vốn lưu động của công ty nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thương mại. Kể từ năm 2018, cùng với việc tăng quy mô vốn hoạt động, Công ty đã tiến hành tái cơ cấu mô hình vận hành và quản lý để thúc đẩy hiệu quả các hoạt động kinh doanh sản phẩm từ gỗ, sản xuất nội thất, nghiên cứu trồng rừng, các sản phẩm khai thác từ rừng trồng, thương mại và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch. Vì vậy kết quả kinh doanh bao gồm doanh thu và lợi nhuận của công ty năm 2018 đã đạt được vượt xa so với năm 2017. Năm 2019, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty tiếp tục tăng trưởng 1,04 lần và 2,02 lần so với năm 2018 đã khẳng định chủ trương hoạt động và hướng đi đúng đắn của Công ty.

Hiện nay Công ty đang sở hữu 03 nhà xưởng sản xuất đồ nội ngoại thất, chế biến sản phẩm từ gỗ với tổng diện tích lên đến trên 15.500 m². Công ty đặt mục tiêu hướng đến trở thành một đơn vị gia công hàng nội thất hàng đầu trên thị trường quốc tế vì thế Công ty luôn chủ động nguồn hàng dự trữ có sẵn trong kho, dễ dàng thay đổi theo các đơn hàng từ thị trường quốc tế. Ngoài ra, Công ty còn sở hữu 01 nhà máy sản xuất ván ghép thanh quy mô lớn, hàng tháng sản xuất hàng trăm m³ thành phẩm phục vụ thị trường nội địa. Cũng trong năm này, Công ty tham gia vào mở rộng thị trường nội địa với các ngành hàng nguyên vật liệu liên quan đến gỗ.

Để đảm bảo sự phát triển đúng các kế hoạch đề ra, ngày 23/10/2019 Công ty đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư số 74/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình cho dự án

đầu tư: “Tổ hợp nhà máy sản xuất gỗ BKG Việt Nam”. Dự án có tổng vốn đầu tư là 298 tỷ đồng trên tổng diện tích 24,2 ha với mục tiêu đồng bộ các nhà máy sản xuất ván ép, sản xuất gỗ thanh, gỗ nội thất nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho gỗ nguyên liệu. Đây cũng là điểm mốc đánh dấu bước ngoặt cho sự phát triển về quy mô của BKG Việt Nam trong ngành chế biến gỗ và là bước đệm để BKG Việt Nam vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về ngành gỗ tại khu vực phía Bắc. Quy mô 24,2 ha gồm tổ hợp 05 nhà máy sản xuất:

- Nhà máy sản xuất ván ép nhiều lớp: 90.000m³/năm;
- Nhà máy sản xuất ván ghép thanh: 7.200 m³/năm;
- Nhà máy sản xuất đồ gỗ ngoại thất: 21.000m³/năm – tương đương 300.000 sản phẩm/năm
- Nhà máy sản xuất nội thất trong nhà: 150.000 sản phẩm/năm;
- Nhà máy sản xuất nguyên liệu thô: xưởng bóc gỗ 9.000m³/năm; xưởng sấy gỗ 90.000m³/năm; xưởng xẻ gỗ 9.000 m³/năm; xưởng sấy gỗ thanh 40.000 m³/năm;
- Trồng cây xanh và các hệ thống xử lý rác thải nội bộ, hệ thống cảnh quan: 12ha.

Năm 2020, BKG Việt Nam tiếp tục đi theo định hướng chiến lược của mình là: Phát triển bền vững, tối đa hóa giá trị lợi ích cổ đông. Và đặc biệt, ngày 14/5/2020, Công ty nhận được Quyết định chủ trương đầu tư số 25/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình cho dự án: “Trồng rừng nguyên liệu bền vững”. Dự án với tổng số vốn 50 tỷ đồng, trên quy mô thực hiện là 491,43 ha. Việc đảm bảo vùng nguyên liệu và chất lượng đầu vào sẽ là một yếu tố giúp Công ty có thể mạnh mẽ cạnh tranh và đứng vững trong thị trường nội ngoại thất trong thị trường nội địa và xuất khẩu.

Ngoài ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực đồ gỗ nội ngoại thất, Công ty còn phát triển kinh doanh các sản phẩm trong ngành nông nghiệp. Hiện nay Công ty đang sở hữu 01 trang trại chăn nuôi với quy mô lớn trên tổng diện tích gần 8 ha, trong đó bao gồm 10 hệ thống chuồng chăn nuôi và các công trình phụ trợ được xây dựng theo công nghệ tiên tiến của nước ngoài (diện tích 01 hệ thống chuồng là 1.300 m²/chuồng). Bên cạnh đó Công ty còn phát triển các vùng trồng nông sản có giá trị kinh tế cao: 10ha trồng cam tại huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình; 35ha cây chanh leo tại huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

1.3. Quá trình tăng vốn

Từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện **02** lần tăng vốn (số vốn điều lệ hiện nay là **320** tỷ). Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (VNĐ)	Vốn thực góp sau khi tăng (VNĐ)	Hình thức tăng vốn
1	Tháng 06/2017	10.000.000.000	40.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 09/2018	40.000.000.000	320.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

➤ **Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 40.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/06/2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2017 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106935814 thay đổi lần 01 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 01 năm 2018.

• **Thông tin đợt phát hành**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 10.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 40.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 02/06/2017
- Tỷ lệ phát hành : 1:3 (Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ sẽ được mua 03 cổ phần mới Công ty phát hành thêm)
- Số lượng phát hành : 3.000.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 30.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 03 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 29/12/2017
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền

- Phương án sử dụng vốn : Tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào các công ty cùng ngành, lĩnh vực.

➤ **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 40.000.000.000 đồng lên 320.000.000.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/09/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2018 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106935814 thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2018.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 40.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 320.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 04/09/2018
- Tỷ lệ phát hành : 1:7 (Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ sẽ được mua 07 cổ phần mới Công ty phát hành thêm)
- Số lượng phát hành : 28.000.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 280.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 15 người
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 11/12/2018
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Phương án sử dụng vốn : Tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, đầu tư vào các công ty có ngành nghề liên quan đến sản xuất, chế biến gỗ và nông nghiệp

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày

26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan khác. (Chi tiết về thông tin các Công ty thành viên được nêu rõ tại mục 5.2).

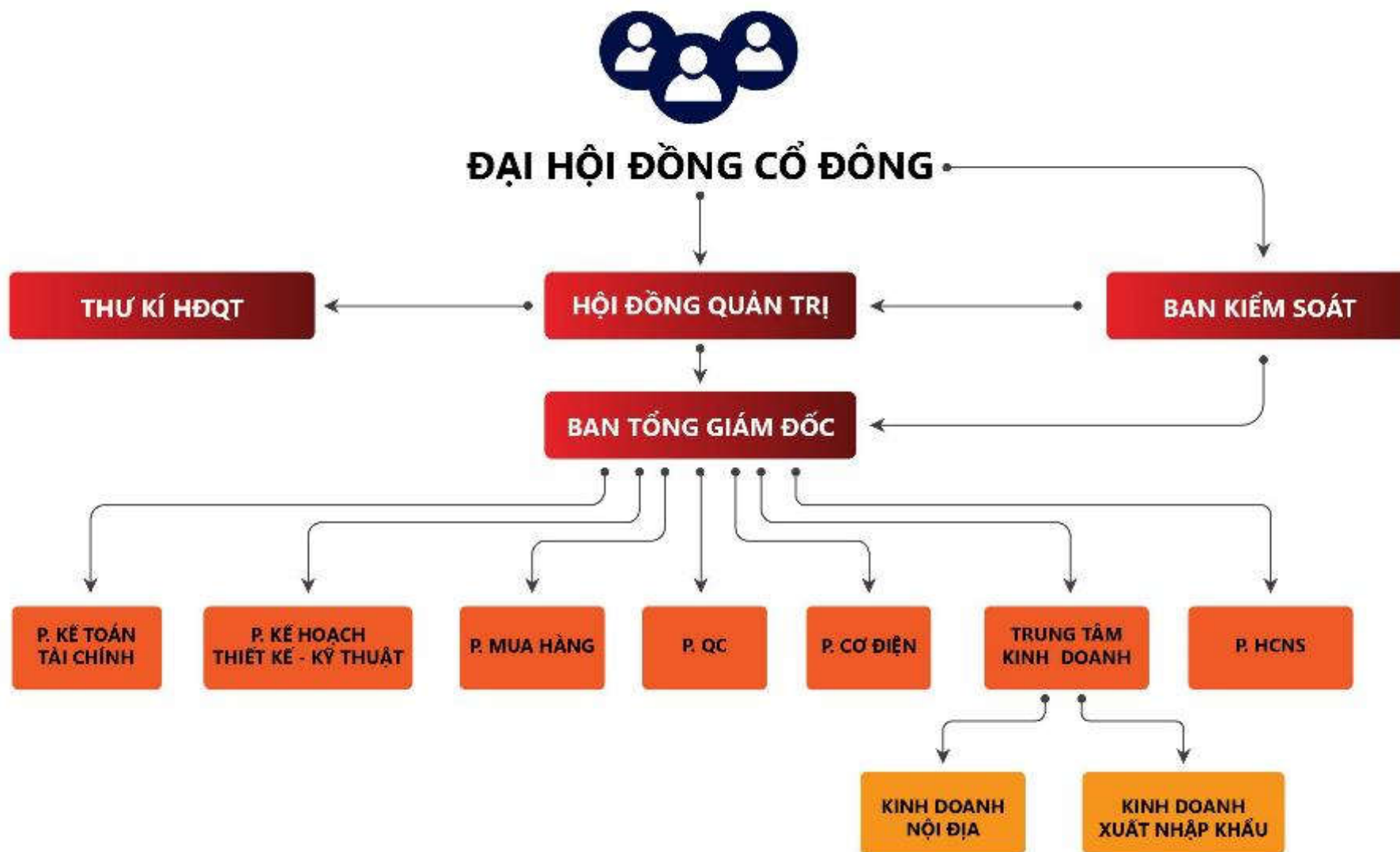
Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

Hình 5: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Diễn giải sơ đồ**➤ Đại Hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. ĐHĐCĐ sẽ bầu ra HĐQT của Công ty.

➤ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT gồm có 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động là 05 (năm) năm.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| ○ Ông Trần Công Thành | Chủ tịch HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Văn Hưng | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Minh Hải | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Quang Duy | Thành viên HĐQT độc lập |
| ○ Ông Điền Văn Trung | Thành viên HĐQT độc lập |

➤ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động không quá 05 (năm) năm. BKS có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|----------------------|------------|
| ○ Bà Trần Ngọc Lan | Trưởng Ban |
| ○ Bà Phan Thị Thu Hà | Thành viên |
| ○ Ông Đặng Phước Đức | Thành viên |

➤ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người trực thuộc sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| ○ Ông Nguyễn Văn Hưng | Tổng Giám đốc |
| ○ Ông Nguyễn Minh Hải | Phó Tổng Giám đốc |

○ Ông Phạm Lương Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Thư ký Hội đồng quản trị

Thư ký Hội đồng quản trị là đầu mối tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, và Đại hội đồng cổ đông theo theo chỉ đạo của chủ tịch HĐQT hoặc Ban Kiểm soát, tư vấn, soạn thảo các Dự thảo điều lệ, Quy chế Hội đồng Quản trị, Quy chế Ban Kiểm soát, đồng thời quản lý và lưu trữ các tài liệu của Hội đồng Quản trị.

Thư ký Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay là:

○ Ông Nguyễn Khánh Nhật

Thư ký HĐQT kiêm người phụ trách quản trị

Công ty

Chức năng các phòng ban

➤ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty;
- Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Tổ chức hạch toán, thống kê kế toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của BKG Việt Nam và các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận kế toán tại các đơn vị trực thuộc (nếu có), kiểm tra việc thanh quyết toán các công trình, các sản phẩm, hợp đồng kinh tế, thanh toán thu hồi công nợ của Công ty.
- Phân tích hiệu quả kinh tế của các sản phẩm, dự án, công trình khác của Công ty.
- Chủ trì trong việc thực hiện định kỳ công tác báo cáo tài chính, kiểm kê, đánh giá tài sản của BKG Việt Nam và đối với các đơn vị thành viên, kiến nghị thanh lý tài sản vật tư tồn đọng, kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.
- Phối hợp với các phòng ban tại BKG Việt Nam và các đơn vị thành viên để cùng hoàn thành công việc được giao
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty: Khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc và các quyền lợi khác đối với tập thể và các cá nhân thuộc phòng quản lý.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Tổng Giám đốc/Ban lãnh đạo yêu cầu.

➤ Phòng Kế hoạch – Thiết kế - Kỹ thuật

Bộ phận Kế hoạch – Kỹ thuật:

Bộ phận Kế hoạch – Kỹ thuật có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Trên cơ sở tiếp nhận nhu cầu và kế hoạch của Ban Lãnh đạo, Bộ phận kế hoạch – Kỹ thuật kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện lập kế hoạch sản xuất.
- Lập phương án sử dụng máy móc thiết bị cho đơn hàng căn cứ theo quy trình sản xuất, phối hợp bộ phận sản xuất đánh giá công suất máy móc thiết bị với mục tiêu đáp ứng tiến độ thực hiện đơn hàng.
- Đánh giá, báo cáo thường xuyên và gửi cho TGD/Ban điều hành về tiến độ sản xuất và các vấn đề phát sinh trong sản xuất khi thực hiện kế hoạch sản xuất hàng ngày, hàng tuần cho tới khi kết thúc hợp đồng/đơn hàng. Đánh giá năng lực sản xuất theo kế hoạch của các khâu, các bộ phận sản xuất với mục tiêu đáp thực tế sản xuất phải đáp ứng sản lượng kế hoạch theo từng ngày và báo cáo kịp thời TGD/Ban điều hành.
- Lên kế hoạch và thực hiện việc đặt lịch xuất hàng, vận chuyển đảm bảo việc giao hàng đúng thời điểm theo thỏa thuận với khách hàng. Thông báo lịch giao hàng đối với từng đơn hàng cụ thể.
- Kết hợp với phòng kinh doanh xử lý các phát sinh như: Giao hàng muộn; giao hàng sớm; thay đổi thứ tự giao hàng trong cùng một đơn hàng... và các nghiệp vụ khác phát sinh. Thông báo lịch giao hàng, và tình trạng giao hàng cho phòng kế toán.

Bộ phận thiết kế:

Bộ phận thiết kế có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Chịu trách nhiệm về việc tạo ra kết cấu mới của sản phẩm và kết hợp với việc phát triển vật liệu sử dụng trong sản phẩm từ đó tạo ra kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm mới.
- Lên bản vẽ kỹ thuật và tham gia vào quá trình bóc tách kỹ thuật của bộ phận kỹ thuật sản xuất.

➤ Phòng mua hàng

Phòng mua hàng có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Đề xuất, mua vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất kịp thời theo tiến độ. Đảm bảo chất lượng vật tư theo hồ sơ thiết kế do bộ phận kỹ thuật sản xuất đề nghị được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Đảm bảo nguyên tắc về chứng từ khi mua hàng theo quy định của Công ty: có biên bản giao, nhận các vật tư, hàng hóa cho các bộ phận sử dụng.
- Khi đề nghị mua vật tư, hàng hóa của các đơn vị đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, phòng mua hàng phải triển khai ngay việc cung cấp không chậm hơn 02 ngày làm việc phải có vật tư, hàng hóa. Hoặc khi không được Ban Tổng Giám đốc giải quyết cũng phải có thông tin phản hồi trở lại ngay để các đơn vị có nhu cầu mua hàng hóa nắm được tìm các biện pháp giải quyết

- Đề xuất, mua sắm các thiết bị phụ tùng thay thế máy móc thiết bị trong toàn Công ty.

➤ **Phòng Kiểm soát chất lượng (QC)**

Phòng kiểm soát chất lượng (QC) có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Thực hiện kiểm soát chất lượng của nguyên liệu vật tư đầu vào với mục tiêu: Phân loại, xử lý, trả lại nhà cung cấp nhằm tránh việc gián đoạn sản xuất khi phát hiện muộn sự sai khác của nguyên liệu vật tư trong quá trình sử dụng.
- Tổng hợp tiêu chuẩn chất lượng của từng loại nguyên liệu vật tư; phụ kiện; công cụ dụng cụ sao cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất. Tiến hành lưu mẫu và kiểm tra chất lượng từng loại định kỳ theo tháng.
- Kiểm tra chất lượng bán thành phẩm tại từng công đoạn sản xuất với mục tiêu: Bán thành phẩm lỗi của công đoạn số 1 không được chuyển sang công đoạn số 2...
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm hoàn thiện, phân tích các lỗi lớn, lỗi nhỏ từ đó đưa ra biện pháp khắc phục với bộ phận sản xuất một cách triệt để.
- Liên tục tương tác với bộ phận NLVT, bộ phận kế hoạch và bộ phận sản xuất về vấn đề chất lượng sản phẩm, chất lượng nguyên liệu vật tư ... đưa ra những hạn chế trong sản xuất cần khắc phục liên quan đến chất lượng sản phẩm, đồng thời đánh giá và báo cáo hàng tuần cho TGD/BĐH về chất lượng sản phẩm và quá trình cải thiện chất lượng sản phẩm trong sản xuất.
- Lập bảng theo dõi và phụ trách lưu các: Chi tiết; sản phẩm ... mẫu đối của từng khách hàng. Lưu quy trình chất lượng và kiểm soát chất lượng của từng sản phẩm.
- Lên quy trình quản lý chất lượng cho từng dòng hàng, sản phẩm mới và trưởng Ban có trách nhiệm trình/phê duyệt/ban hành để lưu hành nội bộ.

➤ **Bộ phận cơ điện:**

- Có chức năng định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống máy móc thiết bị.
- Xử lý khi có sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị hoặc thiết bị điện của các xưởng sản xuất;
- Xử lý bảo dưỡng, thay thế dao cụ, công cụ dụng cụ đảm bảo hoạt động sản xuất không gián đoạn.
- Tiến hành nghiên cứu máy móc thiết bị, công nghệ, nghiên cứu công cụ dụng cụ để đề xuất phương án tối ưu hóa trong sản xuất.

➤ **Trung tâm kinh doanh**

Trung tâm Kinh doanh là đơn vị có trách nhiệm đánh giá, nghiên cứu thị trường sau đó tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác xây dựng và mở rộng thị trường, phối hợp hoạt động sản xuất kinh doanh, chăm sóc khách hàng, marketing ... đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra. Trung tâm kinh doanh của BKG Việt Nam được tách ra thành 02 mảng chính đó là: Kinh doanh xuất nhập khẩu và kinh doanh nội địa, với các nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch doanh thu, ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của Phòng từng tháng để trình Tổng giám đốc, ban điều hành phê duyệt.
- Tìm kiếm, gặp gỡ, phát triển khách hàng. Nắm bắt nhu cầu, tư vấn khách hàng sử dụng một cách phù hợp các sản phẩm của hệ thống. Thực hiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh đáp ứng các mục tiêu, kế hoạch doanh số bán hàng của hệ thống.
- Phối hợp các bộ phận kế hoạch, sản xuất, lên báo giá và chốt hợp đồng, thỏa mãn các thông tin về: Thời gian thực hiện hợp đồng; phương thức thanh toán... và các điều kiện khác trong hợp đồng tùy từng điều kiện khách hàng cụ thể.
- Tham mưu xây dựng chính sách bán hàng, bao gồm chính sách về giá, khuyến mãi, chiết khấu & các chương trình quảng bá, tiếp cận đến khách hàng để trình Tổng giám đốc phê duyệt.
- Tìm kiếm và phát triển khách hàng mới thuộc nhóm khách hàng mục tiêu của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành phân công.

➤ **Phòng Hành chính – Nhân sự**

Phòng Hành chính - Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc, phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 10/04/2020

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm ngày 10/04/2020

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/04/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	332	31.800.000	318.000.000.000	99,37
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	332	31.800.000	318.000.000.000	99,37

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
II	Cổ đông nước ngoài	1	200.000	2.000.000.000	0,63
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	1	200.000	2.000.000.000	0,63
Tổng cộng		333	32.000.000	320.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam)

4.2. Cổ đông sáng lập tại ngày 10/04/2020

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 10/04/2020

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND / ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Minh Hải	Tòa nhà HH02-1C, Khu đô thị Thanh Hà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	111665165	1.500.000	4,69
2	Nguyễn Khánh Nhật	Tổ dân phố 13, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	001087001034	350.000	1,09
3	Lê Văn Linh	Tòa nhà HH02-1B, Khu đô thị Thanh Hà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	112167426	698.000	2,18
Tổng cộng				2.548.000	7,96

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 12/08/2015, theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014, toàn bộ số cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng cho tới hết ngày 12/08/2018. Do đó, tính đến thời điểm này toàn bộ số cổ phiếu của cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng.

4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/04/2020**Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 10/04/2020**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND / ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Công Thành	Số nhà 14, BT 12, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	000106807006	6.000.000	18,75
2	Nguyễn Văn Hưng	Số 2, ngõ 9, tổ dân phố 10, phường Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	001087011386	4.800.000	15
Tổng cộng				10.800.000	33,75

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty niêm yết, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty niêm yết.**5.1 Danh sách Công ty mẹ**

Không có.

5.2 Danh sách Công ty con**❖ CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ BKG**

- Trụ sở: Số 87, ngõ 12 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107607830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/2016, thay đổi lần thứ 5 ngày 28/12/2018.
- Vốn thực góp: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam góp 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng) tương đương 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gỗ BKG.
- Tiến độ góp vốn: Đã hoàn thành.

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BKG HOME

- Trụ sở: Lô BT6 – Ô số 20, khu đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107674636 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 19/06/2019.
- Vốn thực góp: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam góp 49.000.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ đồng) tương đương 98% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home.
- Tiến độ góp vốn: Đã hoàn thành.

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÀNH MAI CHÂU

- Trụ sở: Thôn Lão Nội, xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 75 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 5400495691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 10/07/2018, thay đổi lần thứ 02 ngày 03/05/2019.
- Vốn thực góp: 75.000.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ đồng)
- Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam góp 74.400.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng) tương đương 99,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu.
- Tiến độ góp vốn: Đã hoàn thành.

❖ CÔNG TY TNHH MTV BKG TÂN MỸ

- Trụ sở: Xóm Bùi, Xã Tân Mỹ, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 5400508358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 21/06/2019.
- Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam.
- Tình hình hoạt động: Dự án xây dựng cụm công nghiệp gỗ thuộc công ty đang trong quá hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thực hiện đền bù và giải phóng mặt bằng theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư trong Quyết định chủ trương đầu tư số 74/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình (*đến hết tháng 12/2020 mới hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án và thủ tục đất đai, xây dựng, môi trường; San lấp mặt bằng, xây dựng nhà văn phòng và phân xưởng nguyên liệu giai đoạn I tổng diện tích 19.200 m²; Xây dựng hạ tầng, tường bao và trạm biến*

áp; Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom chất thải).

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014, các cổ đông phải thực hiện góp đủ số vốn điều lệ đã đăng ký trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam sẽ thực hiện góp vốn đầy đủ theo tiến độ để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh một cách tốt nhất và phù hợp theo tình hình hoạt động của dự án. Tính đến thời điểm ngày 22/10/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đã tiến hành góp 10 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ.

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN RỪNG BKG ĐỘC LẬP

- Trụ sở: Xóm Cam, Xã Độc Lập, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 5400515394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17/03/2020.
- Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam góp 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) tương đương 80% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập.
- Tình hình hoạt động: Dự án trồng rừng sản xuất và phát triển vùng nguyên liệu gỗ đang trong quá trình thống nhất về các điều khoản bồi thường đồng thời hoàn thiện các thủ tục để được giao đất, cho thuê đất theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư trong Quyết định chủ trương đầu tư số 25/QĐ-UBND ngày 14/05/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình (***Tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và các thủ tục để được giao đất, cho thuê đất, hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư là 06 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.*** Công ty cũng đang tiến hành việc hoàn thiện thủ tục pháp lý và thống nhất các điều khoản bồi thường đối với người sở hữu đất.
- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp năm 2014, các cổ đông phải thực hiện góp đủ số vốn điều lệ đã đăng ký trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam sẽ thực hiện góp vốn đầy đủ theo tiến độ để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh một cách tốt nhất và phù hợp theo tình hình hoạt động của dự án. Tính đến thời điểm ngày 22/10/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đã tiến hành góp 10 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập.

Bảng 5: Tình hình tài chính các công ty con*(Đơn vị: Nghìn đồng)*

STT	Tên Công ty	Năm 2018		Năm 2019	
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty Cổ phần Gỗ BKG	141.578.144	3.061.840	137.480.064	2.451.605
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home	114.874.625	2.737.248	79.454.520	2.564.560
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu	47.580.965	668.766	101.197.572	9.154.772
4	Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	-	-	-	-
5	Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập	-	-	-	-

5.3 Danh sách Công ty liên kết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

❖ Về hoạt động sản xuất

Hiện nay, BKG Việt Nam duy trì 02 hoạt động sản xuất chính là sản xuất nội thất và sản xuất nông nghiệp. Định hướng trong thời gian tới, hoạt động sản xuất nội thất và sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục là trọng tâm phát triển tạo ra các sản phẩm mang tính thương hiệu của BKG Việt Nam.

Sản xuất nội thất

Các sản phẩm đồ nội thất của Công ty hiện nay hướng đến cả thị trường trong nước và xuất khẩu với 02 dòng sản phẩm: Đồ nội thất trong nhà và Đồ nội thất ngoài trời.

- *Đồ nội thất trong nhà:* Đối với các sản phẩm là hàng hóa nội địa, Công ty tập trung sản xuất các sản phẩm theo thiết kế gồm: giường; ghế; bàn; tủ; kệ; ván sàn; ốp tường; sofa...đảm bảo sự kết hợp hài hòa và tính thẩm mỹ của sản phẩm, đồng thời đáp ứng được thiết kế của chủ đầu tư. Đối với các mặt hàng nội thất xuất khẩu đều được BKG Việt Nam sản xuất đồng loạt sản phẩm theo mô hình có sẵn của khách hàng. Chúng loại sản phẩm đa dạng nhưng cũng tập trung vào công năng sản phẩm. Và đối với sản xuất các mặt hàng xuất khẩu sẽ được chia thành nhiều dòng hàng khác nhau được quy định từ các yếu tố như: Vật liệu sử dụng và kiểu dáng thiết kế, bao gồm các sản phẩm trong nhà như: Các loại bàn ăn; bàn sofa; Kệ tivi; Tủ bếp; Giá để đồ; Giá treo tường...
- *Đồ nội thất ngoài trời:* Công ty sản xuất các mặt hàng ngoài trời tập trung chủ yếu thị trường nước ngoài như: chậu trồng hoa, vỉ lát sàn ngoài trời, bàn ghế ngoài trời, ghế câu cá ..., là những sản phẩm mang kiểu dáng đơn giản tuy nhiên đáp ứng được việc sử dụng ngoài trời với sự tác động thay đổi liên tục của thời tiết và nhiệt độ.

Một số nội thất gia dụng của Công ty





Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp

Hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp của Công ty thực hiện tại huyện Lạc Thủy – Hòa Bình (Công ty con), hiện tại Công ty đang tập trung chăn nuôi gà thịt trên diện tích trang trại gần 8ha. Việc đầu tư sang mảng nông nghiệp sẽ đa dạng hóa hoạt động và gia tăng lợi nhuận của Công ty.

Một số hình ảnh sản xuất nông nghiệp của Công ty



Chuồng trại



Gà thịt

Ngoài ra, Công ty đang đầu tư 02 khu vực trang trại trồng cây ăn quả tại Hòa Bình:

Khu vực trồng Cam tại Xã Bắc Phong – Huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình: Với diện tích canh tác là 10ha. Tổng số cây cam được trồng là 4000 cây. Trong đó có: 800 cây cam 5 năm tuổi; 1.200 cây cam được 4 năm tuổi và 2.000 cây cam 3 năm tuổi. Năm nay, số lượng cam 5 năm tuổi bắt đầu vào chính vụ thu hoạch, sản lượng dự kiến 120 – 150kg/cây.



Khu vực trồng Chanh leo tại huyện Mai Châu - tỉnh Hòa Bình: Với diện tích canh tác là 35ha. Tổng số cây chanh leo tại trang trại là khoảng 3.500 cây.

Ngoài việc trồng trọt và chăn nuôi trực tiếp, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động thương mại các mặt hàng liên quan tới nông nghiệp. Hoạt động nông nghiệp của đơn vị cũng mang lại nguồn lợi nhuận tương đối tốt, đóng góp tích cực vào sự phát triển của BKG Việt Nam.

❖ Về hoạt động thương mại

Ván ghép thanh

Ván ghép thanh được sản xuất từ nguyên liệu chính là gỗ rừng trồng. Những thanh nan gỗ xẻ theo quy cách đã qua xử lý hấp sấy, trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, gỗ được cưa, bào, phay, ghép, ép, chà và sơn phủ trang trí. Ván ghép thanh được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực sản xuất đồ mộc, trang trí nội thất, sản xuất ván sàn và nhiều sản phẩm nội thất khác.

Có 4 cách thức gỗ ghép song song, mặt, cạnh, giác: Gỗ ghép song song gồm nhiều thanh gỗ cùng chiều dài, có thể khác chiều rộng, ghép song song với nhau; Gỗ ghép mặt gồm nhiều thanh gỗ ngắn, ở hai đầu được xẻ theo hình răng lược rồi ghép lại thành những thanh có chiều dài bằng nhau, rồi tiếp tục ghép song song các thanh thành tấm gỗ có bề mặt rộng. Từ sản phẩm gỗ ghép này có thể chế biến sử dụng rộng rãi trong sản xuất đồ mộc, trang trí nội thất, sản xuất ván sàn. Hiện nay, nội thất làm từ gỗ tự nhiên ghép thanh đã trở nên khá phổ biến ở hầu hết các đô thị lớn và các tỉnh công nghiệp phát triển. Gỗ ghép thanh có nhiều tính năng ưu việt mới như: Không bị mối mọt, không bị co ngót cong vênh, mẫu mã đa dạng phong phú, bề mặt được xử lý nên có độ

bền màu tốt, có khả năng chịu va đập và chống xước cao. Tính ưu việt nổi trội hơn cả là ván ghép thanh được sản xuất chủ yếu từ khai thác gỗ rừng trồng, gỗ tận dụng nên đây thực sự là một loại vật liệu thay thế hoàn hảo trong lĩnh vực vật liệu nội thất trong khi nguồn gỗ tự nhiên ngày càng khan hiếm, đáp ứng được tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội.

Hình ảnh một số sản phẩm ván ghép thanh của Công ty:



Ván ghép thanh



Ván ghép thanh

Nguyên liệu lâm sản.

Hiện nay, Công ty thương mại khoảng hơn 10 loài tre nứa có tiềm năng sản xuất dùng trong thương mại, như: luồng, lung, bương, mai, diển, tre gai, nứa, vầu, trúc, lồ ô, tầm vuông, giang, le... Các sản phẩm từ tre luồng đang là nguồn thu nhập quan trọng trong kinh tế hộ gia đình tại các vùng nông thôn và miền núi của nước ta, đặc biệt là nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành chế biến thủ công, mỹ nghệ, đồ gia dụng khi mỗi năm giá trị xuất khẩu của mặt hàng này đạt khoảng 250 triệu USD.

Với việc Chi nhánh Công ty nằm tại địa bàn Hòa Bình, Công ty có lợi thế trong việc thực hiện hoạt động thương mại các sản phẩm tre luồng do đây được coi là vùng nguyên liệu tre luồng lớn nhất cả nước (Hòa Bình – Thanh Hóa). Tre luồng khi sinh trưởng được khoảng 3 năm khi đạt chiều cao 12-15m sẽ đủ điều kiện thu hoạch, cây được cắt ra thành các đoạn với chiều dài tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng và phương tiện vận chuyển. Công ty thực hiện thu mua qua các đại lý, hộ dân và bán cho các Công ty sản xuất thủ công mỹ nghệ, đồ gia dụng (thớt tre, bàn ghế, sàn tre...).

Tre luồng



Thức ăn chăn nuôi

Nguồn thức ăn chăn nuôi BKG Việt Nam phân phối gồm ngô, sắn ... với nguồn cung ổn định và sẵn có tại địa bàn một số tỉnh như Sơn La, Hòa Bình, đây là các sản phẩm có thể sử dụng trực tiếp làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản phẩm nông nghiệp. Với lợi thế về sản xuất nông nghiệp, BKG Việt Nam đã có nhiều đối tác hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, chính vì vậy hoạt động thương mại thức ăn chăn nuôi cũng mang lại nguồn lợi cho Công ty.

Hàng thức ăn chăn nuôi



Ngô



Sắn

6.1. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2018-2019 và 9 tháng năm 2020

(Đơn vị: Nghìn đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ								
Hoạt động sản xuất		-	-	-	-	-	-	-
Hoạt động thương mại		111.844.908	100	105.664.901	100	-5,53	86.490.526	100
1	Nguyên liệu lâm sản	24.294.369	21,72	30.431.165	28,80	25,26	26.153.066	30,24
2	Ván ghép thanh	71.103.384	63,57	71.992.714	68,13	1,25	56.992.190	65,89
3	Máy móc thiết bị	16.447.155	14,71	277.307	0,26	-98,31	-	-
4	Dịch vụ thiết kế, khác...	-	-	2.963.714	2,81	-	3.345.270	3,87

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng		111.844.908	100	105.664.901	100	-5,53	86.490.526	100
B. Chỉ tiêu hợp nhất								
Hoạt động sản xuất		51.931.729	12,78	68.831.670	16,28	32,54	32.100.154	11,85
1	Nội thất	51.931.729	12,78	55.167.303	13,05	6,23	24.730.567	9,13
2	Thành phẩm trồng trọt, chăn nuôi	-	-	10.551.955	2,50	-	3.116.755	1,15
3	Dịch vụ thiết kế, khác...	-	-	3.112.412	0,73	-	4.252.832	1,57
Hoạt động thương mại		354.295.413	87,22	353.874.737	83,72	-0,12	238.849.065	88,15
1	Nguyên liệu lâm sản	93.411.762	22,99	56.666.568	13,41	-39,34	26.153.066	9,65
2	Ván ghép thanh	200.580.014	49,38	206.646.788	48,89	3,02	159.323.305	58,80
3	Máy móc thiết bị	16.447.154	4,05	277.307	0,06	-98,31	-	-
4	Thức ăn chăn nuôi	43.856.483	10,80	90.284.074	21,36	105,86	51.393.450	18,97
5	Khác	-	-	-	-	-	1.979.244	0,73
Tổng cộng		406.227.142	100	422.706.407	100	4,06	270.949.219	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu Công ty mẹ: Những năm gần đây, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ chủ yếu trong lĩnh vực thương mại các sản phẩm từ gỗ và máy móc trong ngành sản xuất gỗ. Trong năm 2018, doanh thu của Công ty đạt hơn 111 tỷ đồng, trong đó doanh thu đến từ các mảng kinh doanh nguyên liệu lâm sản, ván ghép thanh và máy móc thiết bị đạt lần lượt 24,3 tỷ đồng (chiếm 21,72% tổng doanh thu), 71,1 tỷ đồng (chiếm 63,57% tổng doanh thu) và 16,4 tỷ đồng (chiếm 14,71% tổng doanh thu). Đến năm 2019, do Công ty chuyển mô hình sang quản lý vốn và đầu tư trực tiếp vào các Công ty con vì vậy doanh số từ Công ty mẹ đã sụt giảm so với năm trước là 5,53%. Năm 2019 cũng là năm Công ty bắt đầu tập trung kinh doanh chuyên môn hóa theo ngành nghề chính của Công ty đã và đang phát triển là mảng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ và nội thất. Vì vậy, trong năm 2019 này, Công ty không còn doanh số từ mảng kinh doanh thương

mại máy móc của ngành gỗ. Tổng doanh thu năm 2019 chủ yếu đạt được từ mảng kinh doanh các sản phẩm từ gỗ (Ván ghép thanh, sản phẩm nội thất) – đạt 105,6 tỷ đồng. Và đặc biệt trong năm 2019, Công ty đã bắt đầu tham gia vào thị trường thiết kế và đã đạt được doanh số gần 03 tỷ (chiếm gần 3% tổng doanh thu của Công ty).

Do ảnh hưởng của dịch COVID, kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ đạt kết quả thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra. Tổng doanh thu chỉ đạt 86,49 tỷ đồng, trong đó doanh số chủ yếu đến từ hoạt động thương mại ván ghép thanh (chiếm 65,89% tổng doanh thu).

Đối với Chỉ tiêu Hợp nhất: Các Công ty con của Công ty cũng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại các sản phẩm từ gỗ như: đồ nội thất, ngoại thất, ván ép và nguyên liệu đầu vào từ gỗ. Ngoài ra, doanh thu từ mảng chăn nuôi trồng trọt và kinh doanh thương mại cũng đóng góp không nhỏ vào tổng doanh thu của cả hệ thống. Trong năm 2018 tại báo cáo hợp nhất, tổng doanh thu đạt 406,2 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động thương mại đạt 354 tỷ đồng (chiếm 87,22% tổng doanh thu) và hoạt động sản xuất đồ nội thất xuất khẩu đạt gần 52 tỷ (chiếm 12,78% tổng doanh thu). Đến năm 2019, tổng doanh thu của Công ty đạt 422,7 tỷ đồng, tăng 4,06% so với năm 2018. Nguồn doanh thu của năm 2019 vẫn chủ yếu đến từ hoạt động thương mại, trong đó kinh doanh ván ghép thanh đạt 206 tỷ đồng, chiếm 48,89%, hoạt động buôn bán nông sản đạt 90 tỷ, và hoạt động thương mại nguyên liệu lâm sản trên 56 tỷ đồng (chiếm 13,41% tổng doanh số). Kết thúc Quý III/2020, khi cả nền kinh tế trong nước và kinh tế toàn cầu đều bị ảnh hưởng bởi dịch COVID thì Công ty cũng không nằm ngoài sự tác động. Doanh thu về các sản phẩm nội thất của Công ty đã giảm cả về giá trị và tỉ trọng trên doanh thu thuần (từ 13,05% năm 2019 xuống còn 9,13% trong 9 tháng đầu năm 2020). Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (thực hiện các chính sách bán hàng, giảm giá hàng bán, đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp...) làm cho doanh thu thuần 9 tháng đầu năm đạt 270,95 tỷ đồng, bằng 58,14% kế hoạch cả năm của Công ty.

Ngoài ra, hiện nay các Công ty con cũng đang thực hiện đầu tư các dự án nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chung của cả hệ thống nhằm chủ động về nguyên liệu sản xuất và mang lại lợi nhuận trong thời gian tới.

- CTCP Phát triển rừng BKG Độc Lập thực hiện dự án trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp theo Quyết định chủ trương đầu tư số 25/QĐ-UBND ngày 14/05/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình. Dự án có tổng mức đầu tư 50 tỷ đồng, được thực hiện trên diện tích 491,43 ha tại địa chỉ Xóm Cam, Xã Độc Lập, Tỉnh Hòa Bình.
- CTCP Thực phẩm lành Mai Châu hợp tác đầu tư với ông Bùi Văn Tươi và ông Bùi Văn Xiển để triển khai các dự án trồng cam tại xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trong thời

gian 02 năm, trên tổng diện tích gần 8 ha.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2018 – 2019 và 9 tháng năm 2020

(Đơn vị: Nghìn đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ								
Hoạt động sản xuất								
Hoạt động thương mại		4.769.330	4,26	8.433.242	7,98	76,82	9.782.464	11,31
1	Nguyên liệu lâm sản	3.680.965	3,29	4.561.752	4,32	23,93	2.232.140	2,58
2	Ván ghép thanh	641.211	0,57	936.055	0,89	45,98	5.836.716	6,75
3	Máy móc thiết bị	447.155	0,40	15.857	0,01	-96,45	-	-
4	Dịch vụ thiết kế, khác...	-	-	2.919.576	2,76	-	1.713.608	1,98
Tổng cộng		4.769.330	4,26	8.433.242	7,98	76,82	9.782.464	11,31
B. Chỉ tiêu hợp nhất								
Hoạt động sản xuất		11.566.955	2,85	20.262.185	4,79	75,17	10.681.826	3,94
1	Nội thất	11.566.955	2,85	8.962.806	2,12	-22,51	6.870.256	2,54
2	Thành phẩm trồng trọt, chăn nuôi	-	-	8.231.105	1,95	-	2.718.981	1,00
3	Dịch vụ thiết kế, khác...	-	-	3.068.275	0,72	-	1.092.589	0,40
Hoạt động thương mại		7.581.978	1,87	9.194.714	2,18	21,27	10.708.517	3,95
1	Nguyên liệu lâm sản	5.172.556	1,28	5.186.056	1,22	40,89	2.232.140	0,82
2	Ván ghép thanh	1.215.842	0,30	2.224.136	0,52	82,93	7.919.049	2,93
3	Máy móc thiết bị	447.155	0,11	15.857	0,04	-96,45	-	-
4	Thức ăn chăn nuôi	746.425	0,18	1.768.665	0,42	136,95	526.447	0,19
5	Khác	-	-	-	-	-	30.881	0,01

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
	Tổng cộng	19.148.933	4,72	29.739.741	6,97	53,83	21.390.343	7,89

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng năm 2020 của Công ty)

Đối với Chỉ tiêu Công ty mẹ: Năm 2018, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên tổng doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 4,26%. Kinh doanh thương mại các sản phẩm từ lâm nghiệp luôn mang lại tỷ lệ lợi nhuận cao nhất trong các năm gần đây (năm 2018 đạt 3,6 tỷ chiếm 77% tổng lợi nhuận cả năm, năm 2019 đạt 4,5 tỷ, chiếm 54%). Đặc biệt trong 2019, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên tổng doanh thu đã tăng lên 7,98% (tăng 87% so với năm 2018). Và đặc biệt trong năm 2019, hoạt động thiết kế nội thất bắt đầu ghi nhận doanh số và mang lại lợi nhuận chiếm tỷ trọng tương đối cao, 34,6 % trong tổng lợi nhuận cả năm.

Đối với Chỉ tiêu hợp nhất: Hoạt động sản xuất luôn mang lại tỷ suất lợi nhuận cao nhất so với những hoạt động kinh doanh thương mại khác (chi tiết như bảng trên). Năm 2018, hoạt động sản xuất nội thất của Công ty đạt lợi nhuận trên 11,5 tỷ đồng chiếm 60% tổng lợi nhuận toàn Công ty, còn lại hoạt động thương mại chiếm 40% tổng lợi nhuận. Đến năm 2019, các hoạt động sản xuất của Công ty đã mang lại lợi nhuận chiếm ưu thế hoàn toàn so với mảng kinh doanh thương mại (hoạt động sản xuất đạt 68%, hoạt động thương mại 32%). Trong đó sản xuất nội thất mang lại khoản lợi nhuận là 8,9 tỷ đồng (chiếm 30,14%), các sản phẩm từ nông nghiệp của Công ty cũng mang lại 8,2 tỷ đồng lợi nhuận. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2020, lợi nhuận gộp của Công ty mới đạt gần 21,4 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 7,89% doanh thu thuần tăng nhẹ so với 6,97% của năm 2019, điều này được lý giải là do việc thực hiện thay đổi các chính sách bán hàng của Công ty đồng thời tìm kiếm được các nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá thành tốt giúp giảm giá vốn hàng bán làm cho biên lợi nhuận của hầu hết các mặt hàng đầu tăng so với năm 2019. Trong 3 tháng cuối năm 2020, BKG Việt Nam tin rằng khi tình hình dịch bệnh ổn định trở lại cùng với việc đề ra các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý sẽ đảm bảo lợi nhuận của Công ty đạt được các mục tiêu đã đề ra.

6.2 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Với hoạt động sản xuất và thương mại của Công ty, nguồn nguyên liệu của Công ty được chia thành 02 mảng chính như sau:

Về hoạt động sản xuất:

Thành phần nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất nội thất là các tấm phôi gỗ nguyên liệu từ các loại gỗ thông, keo, sồi... hoặc được cắt từ sản phẩm ván ghép thanh mà Công ty đang thương mại, do đó để đạt được chất lượng thành phẩm tốt nhất nhất thiết các phôi gỗ nguyên liệu đầu vào của Công ty phải được lựa chọn kỹ càng đồng thời phải đảm bảo đáp ứng số lượng và tiến độ giao hàng theo kế hoạch của Công ty. Chính vì vậy, Công ty ưu tiên nhập từ các địa phương như Hà Nội, Hòa Bình, Phú Thọ ... để thuận lợi trong việc kiểm soát chất lượng và không ảnh hưởng tới tiến độ sản xuất của Công ty.

Ngoài ra, các nguyên vật liệu khác như: bản lề, khóa cửa, chân bàn ghế, sơn... đều là một phần không thể thiếu cấu thành nên sản phẩm và cũng ảnh hưởng trực tiếp tới đánh giá của người tiêu dùng về sản phẩm. Do đó Công ty tiến hành đặt hàng trước theo mẫu thiết kế riêng để đảm bảo tính thẩm mỹ cũng như chất lượng của sản phẩm. Hiện nay, nguồn cung của các nguyên vật liệu này trên thị trường rất nhiều tuy nhiên phòng kiểm soát chất lượng sẽ có nhiệm vụ đảm bảo thiết kế và chất lượng đầu vào của nguyên vật liệu trước khi được Ban lãnh đạo thông qua.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp là hoạt động mới được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn VietGAP do đó toàn bộ các nguyên vật liệu đầu vào của Công ty: con giống, vacxin, thức ăn chăn nuôi ... đều được nghiên cứu và đánh giá kỹ trước khi đưa vào sử dụng.

Hiện nay, với 10 chuồng chăn nuôi gà diện tích gần 13.000 m² nhu cầu về các nguyên vật liệu trên là khá lớn, do đó đảm bảo được các yếu tố đầu vào chất lượng ổn định cho hoạt động sản xuất là nhiệm vụ quan trọng của Công ty. Việc ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào sẽ giúp cho Công ty chủ động trước về số lượng và chất lượng, cùng với đó việc nghiên cứu dự báo trước các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình chăn nuôi (thời tiết, dịch bệnh, con giống và vacxin mới ...) cũng sẽ giúp Công ty có kế hoạch kịp thời cho nguyên vật liệu đầu vào.

Về hoạt động thương mại:

Ván ghép thanh là mặt hàng có rất nhiều ứng dụng trong sản xuất nội thất: sản xuất các đồ nội thất trong gia đình, văn phòng, kiến trúc công cộng. Do vậy, Công ty xác định đây là mũi nhọn chính đối với hoạt động thương mại. Mặt khác, hoạt động mua bán chủ yếu thực hiện ở các tỉnh lân cận Hà Nội, do đó việc tìm kiếm được các đối tác cung cấp nguồn ván ghép thanh đầu vào gần sẽ làm giảm chi phí vận chuyển và gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Hiện nay, do có ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực và quy trình sản xuất không đòi hỏi phức tạp nên nguồn cung khá phổ biến và đa dạng. Sau thời gian hoạt động, cùng với kinh nghiệm đúc kết, Công ty luôn có danh sách các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo về số lượng, chất lượng cũng như giá cả ổn định.

Đối với hoạt động thương mại hàng lâm sản, Thanh Hóa và Hòa Bình là 2 địa phương có diện tích trồng tre luồng lớn nhất cả nước, với lợi thế có Chi nhánh nằm trong vùng nguyên liệu nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định cả về số lượng và giá cả. Việc

thu mua của các đại lý và hộ dân cũng giúp Công ty giảm được chi phí giá vốn đầu vào so với các nhà phân phối khác qua đó gia tăng lợi nhuận Công ty.

Nguồn thức ăn chăn nuôi hiện nay của BKG Việt Nam được nhập từ các Công ty thu mua tại các tỉnh như Hòa Bình, Sơn La, đây là các địa phương có sản lượng ngô và sắn lớn của cả nước chính vì vậy nguồn cung của các sản phẩm này là tương đối ổn định.

Hiện nay trên thị trường nguồn cung các mặt hàng thức ăn chăn nuôi đa dạng về chất lượng và giá cả, chính vì vậy lựa chọn được nguồn cung hàng chất lượng và ổn định cũng là phương châm hoạt động của Công ty. Việc dự báo trước các biến động về giá và mùa vụ cũng giúp Công ty có các biện pháp đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định.

Bảng 8: Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, thiết bị và nguyên vật liệu đầu vào

STT	Tên nhà Cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty TNHH AICA Đồng Nai	huyện Long Thành, Đồng Nai	Keo sản xuất
2	Công ty TNHH Aisi Việt Nam	Số 17, ngõ 192 phố Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Phụ kiện sản xuất hàng nội thất
3	CTCP Sơn Becker Chem	Thôn Đanh, Xã Minh Đức, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Minh Đức, Việt Yên, Bắc Giang	Sơn
4	Công ty TNHH Minh Long – VP Hà Nội	Tầng 20, toà nhà 319 BQP, 63 Lê Văn Lương, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	Ván MDF, Melamine
5	CN Công ty TNHH OJITEX Hải Phòng tại Bắc Ninh	Số 102 Đường Hữu Nghị, Phù Chẩn, Từ Sơn, Bắc Ninh	Bao bì đóng gói
6	Công ty TNHH Đầu Tư XNK Thanh Ngọc	39B Đường số 4, Khu phố 6, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ kiện sản xuất hàng nội thất
7	Công ty Sơn Hóa chất TE-1 Việt Nam trách nhiệm hữu hạn	Khu Công Nghiệp Bình Chiểu, Lô DII, Đường 3, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sơn
8	Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ Triển Đạt	Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Phụ kiện sản xuất hàng nội thất

STT	Tên nhà Cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
9	Công ty TNHH Chế biến tre gỗ Chương Mỹ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	Ván ghép thanh
10	Công ty TNHH MTV ván ép Tây Hà Nội	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	Ván ghép thanh
11	Công ty TNHH gỗ Bảo Liên	Thôn Yên Trung, Xã Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Hàng nội thất
12	Công ty TNHH MTV XNK gỗ Hà Nội	KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội	Ván ghép thanh, Ván cophia
13	SNT hong kong	Hồng Kông	Đèn Led
14	Hợp tác xã sản xuất dịch vụ Quất Lâm	Thôn Tân Sơn, Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Sơn gia công
15	Công ty cổ phần Woodsland	Lô số 49K, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội	Hàng nội thất
16	Công ty CP thương mại và vận chuyển Quốc tế Đại An	Q. Đống Đa, Hà Nội	Vận chuyển hàng hóa
17	Công ty CP Công nghiệp Oval Việt Nam	H. Hoài Đức, Hà Nội	Khung sắt
18	Công ty TNHH TM Và DV P.C.S	Đường số 45, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	Chất chống ẩm hàng hóa
19	Công ty TNHH sản xuất và XNK Hoa Đạt	TX. Tân Uyên, Bình Dương	Phụ kiện nội thất
20	Công ty TNHH MTV Nông Sản Lương Sơn	Thôn Năm Lu, Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Hòa Bình	Nông Sản
21	Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Cụm CN, Phiêng Luông, Mộc Châu, Sơn La	Giống chanh leo

(Nguồn: BKG Việt Nam)

➤ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Với nguyên liệu sản xuất nội thất:

Hiện nay, nguyên liệu gỗ đầu vào để sản xuất nội thất của Công ty chủ yếu là gỗ keo, đây là loại gỗ rừng trồng chủ đạo theo định hướng tái cơ cấu ngành lâm nghiệp của các tỉnh miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên... do đó nguồn cung về nguyên liệu gỗ đầu vào của Công ty là khá dồi dào. Chỉ tính riêng tỉnh Hòa Bình, diện tích rừng trồng mới hàng năm

khoảng 6.000-8.000 ha tập trung tại các huyện Kỳ Sơn, Lạc Thủy, Lạc Sơn, Lương Sơn... Ngoài ra, việc các hộ dân đưa vào trồng các giống keo có khả năng sinh trưởng gấp 1,5-2 lần giống keo cũ cũng làm cho sản lượng gỗ rừng trồng hàng năm khai thác được tăng trưởng ổn định.

Các nguyên liệu khác như keo, sơn, ray trượt, bản lề ... Công ty có khá nhiều lựa chọn để ổn định nguồn hàng và chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận với nguồn cung đa dạng về chất lượng và mẫu mã xung quanh địa bàn thành phố Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Các hợp đồng cung cấp về nguyên vật liệu đầu vào thông thường sẽ được Công ty ký kết trước để đảm bảo nguồn cung cả về số lượng, chất lượng và giá thành cho cả năm. Phòng mua hàng sẽ tính toán trước nhu cầu về thương mại, sản xuất của từng mặt hàng, cùng với đó chủ động nghiên cứu, dự đoán trước tình hình biến động của vật liệu từ đó Công ty có thể chủ động trong kế hoạch sản xuất và bán hàng. Ngoài ra, hiện nay Công ty Cổ phần Gỗ BKG đang xây dựng dự án đầu tư: “Phát triển vườn ươm cây giống lâm sản phục vụ cho kế hoạch trồng rừng trong năm 2020”. Dự án gồm 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất, diện tích 5643,5 m², trị giá 15.618.470.250 đồng tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Với nguyên liệu sản xuất nông nghiệp:

Trong sản xuất nông nghiệp, giống là một trong những yếu tố hàng đầu, ảnh hưởng từ 25% đến 30% năng suất cây trồng, vật nuôi. Để phát triển sản xuất nông nghiệp có năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đòi hỏi nguồn giống đầu vào của Công ty phải tốt, có phẩm cấp cao và bền vững. So với cả nước, thành phố Hà Nội là địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thực tế, thời gian qua, trên địa bàn thành phố, một số công ty, trang trại đã mạnh dạn đưa các giống cây trồng, vật nuôi và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế vượt trội. Với việc xây dựng hoạt động sản xuất nông nghiệp theo chuẩn VietGAP, BKG Việt Nam đã chủ động tìm kiếm các nhà cung ứng giống đủ tiêu chuẩn chất lượng đồng thời việc ký kết các hợp đồng cung ứng dài hạn cũng giúp Công ty đảm bảo số lượng cho mỗi chu kỳ nuôi trồng.

Các loại vacxin, thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật và các nguyên liệu khác được quy định cụ thể tại từng quy trình chăn nuôi và chăm sóc kèm theo danh sách những nhà cung cấp. Các nhà cung cấp này luôn có nguồn nguyên vật liệu cung ổn định và đi kèm theo kỹ thuật chăm sóc và sử dụng chi tiết.

6.3. Cơ cấu chi phí

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và sản xuất các sản phẩm từ nông lâm sản nên việc cân đối các khoản chi phí luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Giá vốn hàng hoá mua vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá sản phẩm xuất ra. Cơ cấu chi phí trong năm 2018 không có

nhiều biến động, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí (*tỷ lệ 95% trên tổng doanh thu thuần*), còn lại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng doanh thu thuần. Trong năm 2019, cơ cấu chi phí có sự biến động nhẹ so với năm 2018, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 92% trên tổng doanh thu thuần, các chi phí còn lại gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí tài chính chỉ chiếm 2,4% tổng doanh thu. Năm 2019 khi Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nên việc chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng mạnh so với năm 2018 (*chi phí bán hàng tăng gấp 02 lần so với năm 2018, chi phí quản lý tăng gần 03 lần so với năm 2018 do Công ty cần nhiều nhân sự cấp cao cho chiến lược đại chúng hóa Công ty*). Ngoài ra, chi phí tài chính của Công ty luôn được kiểm soát và duy trì ở mức thấp để đảm bảo hoạt động kinh doanh được hiệu quả (*chiếm tỷ trọng dưới 1% tổng doanh thu qua các năm*).

Trong 9 tháng đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tỷ trọng của các chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đều tăng so với năm 2019. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện việc tìm kiếm các nguyên vật liệu đầu vào thay thế và đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp để giảm được tỷ trọng của giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Công ty mẹ xuống 3,33% so với năm 2019.

Bảng 9: Tỷ trọng chi phí của Công ty năm 2018 – 2019 và 09 tháng năm 2020

(Đơn vị: Nghìn đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ							
1	Giá vốn hàng bán	107.075.578	95,74	97.231.659	92,02	76.708.062	88,69
2	Chi phí bán hàng	302.058	0,27	923.226	0,87	1.203.463	1,39
3	Chi phí QLDN	302.267	0,27	1.764.662	1,67	2.115.366	2,44
4	Chi phí tài chính	-	-	13	0,00	22.789	0,03
Tổng cộng		107.679.903	96,28	99.919.560	94,56	80.049.681	92,55
B. Chỉ tiêu hợp nhất							

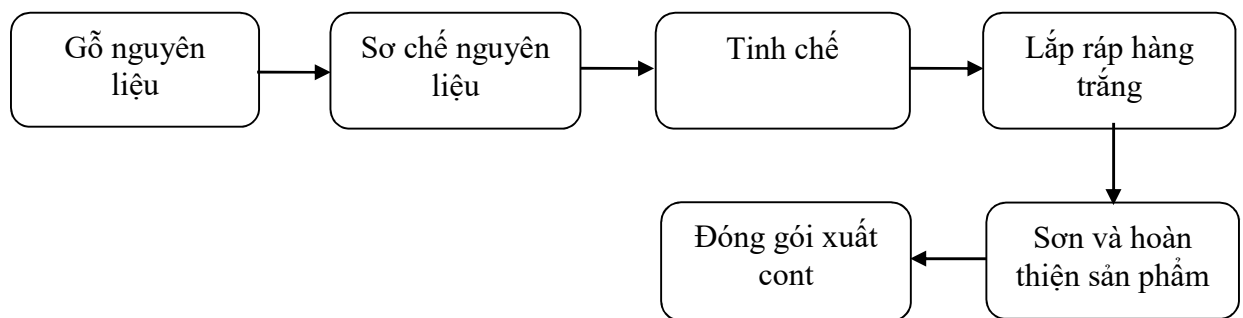
STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	387.078.210	95,29	393.249.508	92,67	249.558.878	92,11
2	Chi phí bán hàng	1.525.813	0,38	2.914.497	0,69	2.322.450	0,86
3	Chi phí QLDN	1.321.242	0,33	3.724.628	0,88	3.650.514	1,35
4	Chi phí tài chính	3.749.831	0,92	3.126.663	0,74	2.473.419	0,91
Tổng cộng		393.675.096	96,91	403.015.296	95,28	258.005.261	95,22

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

6.4. Trình độ công nghệ

Về sản xuất nội thất

Hiện tại toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất của Công ty là một hệ thống đồng bộ được thiết kế phù hợp với điều kiện làm việc và công năng sử dụng tốt nhất. Hoạt động sản xuất nội thất cần khá nhiều máy móc thiết bị như: máy cắt, chà nhám, cắt khuyết tật, hệ thống sơn ... tất cả hoạt động trong một dây chuyền liên tục do đó phải luôn đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả. Tùy thuộc vào từng loại sản phẩm sẽ có quy trình sản xuất khác nhau và kỹ thuật riêng biệt, tuy nhiên để tạo ra một sản phẩm nội thất hoàn chỉnh cần trải qua các công đoạn sau:



Gỗ nguyên liệu:

- Gỗ nguyên liệu được lựa chọn và kiểm tra lỗi trước khi đưa vào sản xuất để đảm bảo chất lượng thành phẩm

Công đoạn sơ chế (Cắt các chi tiết theo kích thước của bản vẽ có sẵn):

- Pha tấm phôi nguyên liệu theo từng chủng loại
- Cắt dọc các chi tiết khung gỗ
- Cắt dọc chi tiết kết cấu, thanh giằng, thanh đỡ

- Cắt chi tiết hông, nóc, vách ngăn, kệ tầng
- Cắt các chi tiết ngăn kéo, mặt hộc, cánh cửa
- Cắt các chi tiết ke góc
- Chà nhám chi tiết

Công đoạn tinh chế

- Gia công mộng chi tiết khung gỗ, khung cánh cửa, khung hộc ngăn kéo
- Gia công về cạnh các giáp lai chi tiết và mặt trước
- Gia công khoan lỗ chi tiết thanh giằng, ke góc, lỗ khoá, bản lề
- Lắp ráp các chi tiết nhỏ với nhau tạo thành cụm chi tiết
- Hoàn thiện sơ bộ các chi tiết và cụm chi tiết
- Kiểm tra kích thước các chi tiết và cụm chi tiết theo bản vẽ
- Hoàn thiện các chi tiết đã cắt ở giai đoạn Sơ chế.

Công đoạn lắp ráp hàng trắng

- Bàn lắp ráp, giá dưỡng lắp ráp và công cụ
- Ráp các chi tiết và cụm chi tiết thành khung sản phẩm
- Lắp sơ bộ các chi tiết hoàn thành sản phẩm thô
- Kiểm tra kích thước theo bản vẽ và kiểm tra độ vuông, cân của sản phẩm
- Định vị khung sản phẩm đảm bảo vuông, cân trước khi chuyển sản phẩm khỏi bàn lắp ráp
- Đánh giáp thô 180#, bả kẹt lỗ đỉnh, giáp lai, góc cạnh
- Xoa giáp hoàn thiện sản phẩm giáp mịn 240#

Công đoạn sơn hoàn thiện sản phẩm

- Bản vẽ sản phẩm, bảng AS quy định phụ kiện
- Bảng mẫu màu sơn
- Công cụ dụng cụ sơn
- Bóng đèn kiểm tra sơn
- Sản phẩm sơn theo quy trình bước sơn của nhà cung cấp sơn
- Sản phẩm sau khi sơn 24 giờ chuyển sang lắp ráp hoàn chỉnh
- Gá các chi tiết lắp ráp trước khi ráp chính thức (cánh cửa, mặt hộc)
- Dùng đúng phụ kiện và lắp theo đúng bản vẽ (bản lề, khoá, ray trượt)
- Sau khi lắp xong cần phải căn chỉnh lại sơn tổng thể cho đồng màu trên cùng sản phẩm

Đóng gói xuất cont

- Sản phẩm sau khi hoàn thiện được QC khách hàng kiểm tra đóng mộc
- Vệ sinh sản phẩm sạch sẽ, hút bụi trước khi đóng gói
- Tháo các phụ kiện, tay nắm, chân và bulong cho vào túi đóng gói, định vị chặt vào sản phẩm

- Dùng màng Form chèn các cánh cửa và mặt hộp ngăn kéo
- Đóng gói bằng hướng dẫn sử dụng vào mặt sau sản phẩm
- Lớp 1 Cuốn 1 lớp màng Form xung quanh các mặt sản phẩm
- Lớp 2 phủ 1 lớp xốp dày 1,2 cm vào các mặt sản phẩm trừ mặt hậu và đáy
- Lớp 3 chèn các cạnh và góc sản phẩm bằng ke góc giấy
- Lớp 4 cuốn định vị bằng 1 lớp màng co
- Lớp 5 cho sản phẩm vào thùng cát tông và dán băng dính (để đúng chiều mũi tên) các mép thùng.
- Sau khi xong đánh mã hàng, màu sản phẩm lên phần ghi chú của thùng
- Xếp các thùng theo từng chủng loại nhập kho chờ xuất cont

Một số máy móc sản xuất ván ghép thanh



Máy chà nhám



Máy cắt dlong

Về sản xuất nông nghiệp

Để các sản phẩm nông nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn, BKG Việt Nam xây dựng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc đối với riêng từng sản phẩm nông nghiệp từ khâu chuẩn bị, xuống giống, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, nguyên nhân biểu hiện của dịch bệnh, cách chữa trị, thu hoạch...

Quy trình chuẩn bị trồng cam:

- Chuẩn bị đất: Khu đất trồng thích hợp cho cây cần đạt được những yếu tố như sau: PH trong khoảng 5,5 – 7,5, rất thích hợp cho đất pha cát thịt nhẹ, đất đỏ bazan; độ cao thích hợp: 650 - 1300m so với mặt nước biển; ưa thích ánh sáng nhẹ, nhiệt độ thích hợp nhất 20-25⁰C; cây rất

cần nước cho sự phát triển, đặc biệt là trong giai đoạn ra hoa và quả phát triển mạnh để đạt tỷ lệ đậu quả cao nhất, nhưng lại không chịu được úng nên cần chọn khu đất thoáng khí, thoát nước tốt.

- Chuẩn bị hố trồng: Sau khi xác định được khu đất cần tiến hành phát dọn thực bì, cày xới lớp đất mặt, xử lý các nguồn sâu bệnh hại có trong khu đất trồng. Có thể thiết kế mật độ trồng là 5x5, 4x5, 4x4 hoặc 3x4 tùy vào địa hình và điều kiện chăm sóc. Hố được đào với kích thước 60x60x60 cm hoặc 50x50x60 cm tốt nhất nên ưu tiên đào hố rộng hơn là đào sâu vì bộ rễ cây ăn nổi và chùm.
- Bón lót: Thời gian bón lót trước khi trồng hợp lý nhất từ khoảng 15 – 20 ngày. Sử dụng 2kg NPK 5-10-3 (Hoặc các loại phân NPK có hàm lượng lân cao) + 0,3kg vôi bột + 15kg phân chuồng hoại mục để bón lót. Đầu tiên lót đáy hố bằng lớp đất mặt (màu mỡ), sau đó lót toàn bộ NPK xuống, lớp tiếp theo sử dụng 1 nửa vôi bột với 1 nửa lượng phân chuồng lót đệm, lớp trên cùng sử dụng lượng còn lại trộn với đất đã đánh tơi xốp để lót. Sau khi lót tiến hành tưới đậm nước cho phân tan dần, đảm bảo cây con hấp thụ được luôn khi trồng.
- Kỹ thuật trồng: Mọi một lỗ nhỏ giữa hố đã chuẩn bị, bóc bỏ vỏ bầu nilon, đặt cây vào lỗ lấp đất nhỏ, lèn chặt cho đất tiếp xúc với bầu rễ. Cây trồng xong có cổ rễ ngang với mặt đất. Không trồng cây sâu trong hố hoặc cổ rễ cao hơn mặt đất. Làm bồn, tủ góc, tưới nước đẫm sau khi trồng.

Quy trình chuẩn bị chuồng trại nuôi gà:

- Xây dựng chuồng trại:
 - + Chuồng xây dựng nơi cao ráo, xa khu dân cư, trường học, chợ thương mại...
 - + Có nguồn nước hợp vệ sinh.
 - + Chiều dài chuồng nằm dọc theo hướng đông tây.
 - + Nền chuồng có thể bằng xi măng, tôn cao hơn mặt bằng khu đất để tránh lụt và lưu thông không khí thuận lợi.
 - + Trước cổng trại phải có hố đựng thuốc sát trùng, hệ thống phun tiêu độc.
 - + Trước cửa ô chuồng nuôi phải có khay đựng chất sát trùng hoặc vôi bột.
- Quản lý người, phương tiện, dụng cụ sản xuất và tác nhân gây bệnh:
 - + Người chăn nuôi, khách thăm quan (nếu có) khi vào khu sản xuất: Bắt buộc phải đi qua hệ thống phun thuốc sát trùng, tắm gội, thay quần áo, giày dép riêng... dành cho khu sản xuất; Không mang dụng cụ tư trang ra vào khu sản xuất.
 - + Hạn chế khách thăm quan.
 - + Phương tiện vận chuyển ra vào khu sản xuất phải đi qua hố sát trùng được phun tiêu độc.

- + Không để chim, động vật hoang dã, kể cả chuột, côn trùng ... tiếp xúc với đàn gà.
- Có kế hoạch chu chuyển đàn:
 - + Phải tuân theo nguyên tắc “Cùng vào, cùng ra” Trong mỗi công đoạn sản xuất chỉ nuôi gà cùng 1 lứa tuổi, cùng một loại gà.
- Quy trình vệ sinh chuồng trại:
 - Sau khi xuất bán hết đàn gà phải tiến hành vệ sinh chuồng:
 - + Đưa toàn bộ dụng cụ chăn nuôi máng ăn, máng uống ra ngoài cọ rửa sạch sẽ tráng lại bằng dung dịch Chloramin T 1%, hoặc dung dịch Virkon 1%
 - + Chuyển chất độn chuồng ra nơi qui định.
 - + Cọ rửa chuồng nuôi sạch sẽ, tốt nhất dùng vòi nước áp lực.
 - + Quét nền và tường bằng dung dịch NaOH 2%. Quét dung dịch Sunphát đồng 5%. Sau cùng quét nước vôi đặc 20% trở lên.
- Trong phạm vi 3 m xung quanh chuồng nuôi: Dãy cỏ, rắc vôi bột.
 - + Thời gian để trống chuồng ít nhất từ 25- 30 ngày.

Bảng 10: Một số máy móc chính của Công ty

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm đưa vào sản xuất
1	Máy khoan dàn	5	Đài Loan	2019
2	Hệ thống các máy cắt	16	Trung Quốc	2018
3	Máy ghép dọc 4,5m	2	Đài Loan	2019
4	Hệ thống máy ép	3	Đài Loan	2018
5	Máy bôi keo model MH6213A	1	Đài Loan	2020
6	Máy chà nhám	11	Đài Loan	2019
7	Máy Toupri 2 trục: TS-215	3	Đài Loan	2020
8	Máy bào	6	Đài Loan	2018
9	Máy ghép thủy lực	2	Đài Loan	2018

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm đưa vào sản xuất
10	Máy làm mông	10	Đài Loan	2018
11	Hệ thống hút bụi	6	Việt Nam	2018
12	Máy nén khí	5	Nhật Bản	2020
13	Thiết bị lò sấy (45m ³ /bộ) 8 lò	1	Trung Quốc	2020
14	Hệ thống lò hơi	3	Việt Nam	2018
15	Máy dán cạnh tự động	3	Đài Loan	2019
16	Máy cưa	9	Đài Loan	2018
17	Chuyên sơn	2	Đài Loan	2018
18	Nồi hấp Veneer	2	Đài Loan	2018
19	Máy may Verneer	2	Đài Loan	2019
20	Máy tráng keo	3	Đài Loan	2018
21	Buồng Sơn	2	Đài Loan	2020
22	Máy dong	1	Đài Loan	2019
23	Máy mài dao hợp kim	1	Đài Loan	2018

6.5. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Công ty luôn luôn trú trọng trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm liên quan đến mảng nội thất và nông nghiệp.

Đối với mảng nội thất: Hàng năm, BKG Việt Nam luôn cho ra đời các dòng sản phẩm mới. Với tính năng tối ưu hóa vật liệu sử dụng, Công ty luôn tìm kiếm phát triển vật liệu mới trong sản xuất, đồng thời các sản phẩm mới của Công ty phải luôn đáp ứng được xu thế thị trường và có giá thành cạnh tranh. Các đối tác nước ngoài cũng tin tưởng và cũng luôn yêu cầu BKG Việt Nam thiết kế ra các sản phẩm mới để phục vụ nhu cầu bán hàng trong ngắn hạn và dài hạn của họ. Ngoài

ra, từ cuối năm 2019 BKG Việt Nam đang xây dựng 02 thương hiệu cho 02 dòng sản phẩm mới là Happy House và Natural Haus, với 02 dòng sản phẩm này BKG Việt Nam sẽ không ngừng sáng tạo để định kỳ đưa ra những bộ sưu tập mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường. Hoạt động thiết kế cũng được đẩy mạnh, sản phẩm BKG Việt Nam thiết kế đã đạt được những chỗ đứng nhất định, nổi bật nhất là thiết kế và thi công nội thất Công trình Tomodachi Retreat. Sản phẩm được nhiều báo giới khen ngợi về độ tinh xảo và sắc nét, kết hợp được hài hòa với thiết kế kiến trúc, tạo ra một không gian ấn tượng cho du khách tới nghỉ dưỡng.

Đối với sản phẩm nông nghiệp: Hiện tại, BKG Việt Nam đang phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững. Trong thời gian hoạt động, Công ty không ngừng tìm tòi những phương thức chăm sóc hữu cơ, vừa tạo ra sản lượng cao đồng thời tiết giảm chi phí.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty hoạt động độc lập theo từng công đoạn xuyên suốt từ khâu nhận hợp đồng, tổ chức sản xuất đến giao hàng để đảm bảo ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Bộ phận này có nhiệm vụ thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các nhà máy sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng tại Công ty. Đồng thời, phòng còn chịu trách nhiệm thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Bộ phận cũng chủ trì việc phối hợp với các bộ phận khác có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan.

6.7. Hoạt động Marketing

Với tiềm năng phát triển của thị trường nội thất trong tương lai, định hướng của Công ty là tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tiếp thị sản phẩm đến những khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng thị phần và xây dựng hình ảnh thương hiệu cho sản phẩm. Sự tin tưởng của những đối tác lớn nêu trên là một trong những thuận lợi cho Công ty trong việc giới thiệu các sản phẩm đến với những khách hàng mới. Hiện tại, Công ty đang tập trung vào một số chiến lược Marketing như sau:

Chiến lược sản phẩm: Công ty luôn chú trọng việc thăm dò thị trường, tìm hiểu nhu cầu của từng khách hàng để từ đó cải tiến chất lượng của sản phẩm cũng như nghiên cứu chế tạo những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng khách hàng. Định hướng phát triển của Công ty từ năm 2018 cho đến nay nay là sẽ tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm xuất khẩu trực tiếp với đối tác nước ngoài để tăng giá trị sản phẩm.

Thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là thị trường nội địa. Về dài hạn, Công ty hướng đến xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Chất lượng sản phẩm: Công ty luôn tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất sản phẩm, xây dựng lòng tin và chất lượng ổn định để làm hài lòng khách hàng. Theo từng giai đoạn, từng thời điểm và thông qua phân tích đánh giá thị trường, các yếu tố cạnh tranh, Công ty sẽ xác định giá bán phù hợp để vừa đảm bảo quyền lợi cho khách hàng vừa đem lại lợi nhuận phù hợp cho Công ty.

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhân hiệu của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam:



Logo của Công ty được cấu tạo bởi 2 phần, phần biểu tượng là các hình tam giác màu đỏ sẫm, đỏ cờ xếp chồng lên nhau theo hình búp măng, thể hiện sức sống, ý chí và sức mạnh tinh thần của BKG Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện sự đùm bọc, đoàn kết để đạt được mục tiêu của tập thể; phần chữ BKG Việt Nam là tên Công ty. Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhân hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Đồng thời Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhân hiệu thương mại.

5.9. Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 11: Danh sách một số hợp đồng chính đã và đang thực hiện

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng cung cấp	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ đã thực hiện (VNĐ)
1	Habufa meubelen B.V	Hàng nội thất	Năm 2018	31.675.609.190
2	Công ty cổ phần chế biến gỗ Bắc Việt	Hàng nội thất	Năm 2018	75.545.377.930
3	Công ty TNHH D&G Việt Nam	Hàng nội thất	Năm 2018	8.006.900.000
4	Công ty TNHH Một thành viên Minh Trúc Xuân	Hàng nội thất, nguyên liệu sản xuất (gỗ tròn)	Năm 2018	22.660.503.100
5	Công ty CP nhựa đường dầu khí Việt Nam	Hàng nội thất	Năm 2018	5.334.780.000
6	Công ty TNHH D&G Việt Nam	Tre luồng	Năm 2018	9.549.087.900
7	Công ty TNHH Một thành viên Minh Trúc Xuân	Tre luồng	Năm 2018	14.745.281.100

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng cung cấp	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ đã thực hiện (VNĐ)
8	Công ty CP Đầu tư xây dựng và chế biến Lâm sản An Khang	Ván ghép thanh	Năm 2018	21.166.860.000
9	Công ty CP Xây dựng và thương mại Hưng Thịnh	Ván ghép thanh	Năm 2018	18.896.229.000
10	Công ty CP chế biến gỗ Bắc Việt	Ván ghép thanh	Năm 2018	6.679.224.200
11	Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Hưng Thịnh	Ván ghép thanh	Năm 2019	12.878.547.000
12	Công ty TNHH D&G Việt Nam	Hàng nội thất, ván ghép thanh	Năm 2019	47.499.811.150
13	Công ty TNHH MTV Minh Trúc Xuân	Hàng nội thất, ván ghép thanh	Năm 2019	34.434.084.700
14	Công ty CP chế biến gỗ Bắc Việt	Ván ghép thanh	Năm 2019	52.731.657.000
15	Habufa meubelen B.V	Nội thất	Năm 2019	25.641.913.340
16	Công ty CP vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	Sản phẩm từ Gỗ	Năm 2019	14.941.428.865
17	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và chế biến lâm sản An Khang	Ván ghép thanh, Ván Cophera	Năm 2019	9.961.952.000
18	Công ty CP Xây dựng TM và SX Ván ép Thăng Long	Ván ghép thanh, ván cophera	Năm 2020	22.618.200.000
19	Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Hưng Thịnh	Ván ghép thanh, ván cophera	Năm 2020	8.639.125.000
20	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Chế biến Lâm sản An Khang	Ván ghép thanh, ván cophera	Năm 2020	9.581.000.000
21	Công ty cổ phần chế biến gỗ Bắc Việt	Ván ghép thanh, ván cophera	Năm 2020	19.218.140.000
22	Habufa meubelen B.V	Hàng nội thất	Năm 2020	10.007.825.229

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng cung cấp	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ đã thực hiện (VNĐ)
23	Công ty CPĐT XD và chế biến Lâm Sản Thăng Long	Ván ghép thanh, ván cốppha	Năm 2020	21.728.465.000
24	Công ty Cổ phần Archi Reenco Hòa Bình	Hàng nội thất, ngoại thất	Năm 2020	14.569.094.300
25	Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	Thức ăn chăn nuôi	Năm 2020	20.141.165.094
26	Công ty CP vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	Nội thất	Năm 2020	10.152.012.301

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ					
1	Tổng giá trị tài sản	328.973.949.950	336.153.375.077	2,18%	341.089.109.810
2	Vốn chủ sở hữu	324.068.215.024	329.713.055.312	1,74%	334.834.881.642
3	Doanh thu thuần	111.844.907.600	105.664.900.681	-5,53%	86.490.525.991
4	Doanh thu hoạt động tài chính	132.507	1.371.177.816	1.034.697%	177.120
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.165.137.693	7.116.518.892	70,86%	6.441.021.772
6	Lợi nhuận khác	(77.685)	10.735.372	-13,919%	(27.494.209)
7	Lợi nhuận trước thuế	4.165.060.008	7.127.254.264	71,12%	6.413.527.563
8	Lợi nhuận sau thuế	3.327.178.283	5.644.840.288	69,66%	5.121.826.330
9	LNST/VCSH bình quân	1,82%	1,73%	-	1,54%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	+/- so với năm 2018 (%)	9 tháng đầu năm 2020
B. Chỉ tiêu hợp nhất					
1	Tổng giá trị tài sản	414.104.105.082	408.615.593.209	-1,33%	422.973.285.101
2	Vốn chủ sở hữu	337.559.011.319	357.374.788.422	5,87%	368.046.500.090
3	Doanh thu thuần	406.227.142.206	422.706.407.435	4,06%	270.949.220.866
4	Doanh thu hoạt động tài chính	56.735.633	2.601.993.001	4486,17%	659.483
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.608.781.353	22.293.104.807	76,81%	12.944.619.460
6	Lợi nhuận khác	(467.128.299)	355.760.597	176,16%	(179.218.969)
7	Lợi nhuận trước thuế	12.141.653.054	22.648.865.404	86,54%	12.765.400.491
8	Lợi nhuận sau thuế	9.581.845.308	19.815.777.103	102,3%	10.671.711.667
9	LNST/VCSH bình quân	1,82%	5,70%	-	2,96%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu Công ty mẹ: Các chỉ tiêu tài chính năm 2019 ghi nhận dấu hiệu tích cực trong hoạt động kinh doanh của Công ty, tổng giá trị tài sản tăng 2,18% lên 336,15 tỷ đồng. Trong năm 2019, BKG Việt Nam không thực hiện tăng vốn điều lệ, do đó lợi nhuận sau thuế của Công ty đã làm cho vốn chủ sở hữu tăng 1,74% lên 329,71 tỷ đồng

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018 và đạt 7,12 tỷ đồng chủ yếu đến từ lợi nhuận của việc thương mại vật liệu lâm sản và hoạt động thiết kế thi công nội thất của Công ty. Hoạt động thiết kế thi công nội thất là mảng mới trong năm 2019 của Công ty, hoạt động này không chỉ giúp Công ty gia tăng lợi nhuận mà còn hỗ trợ cho việc tiêu thụ nội thất đồng thời tìm hiểu thị hiếu khách hàng để đưa ra thị trường các sản phẩm thích hợp. 9 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của tình hình dịch bệnh Covid 19, các hoạt động xuất khẩu nội thất và tiêu thụ nguyên liệu lâm sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm cho lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 5,12 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện tại tình hình dịch bệnh trong nước nói riêng và thế giới nói chung đã được kiểm soát, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được đẩy mạnh trở lại và dự kiến sẽ đạt kế hoạch đề ra.

Doanh thu thuần năm 2019 là 105,66 tỷ giảm nhẹ 5,53% so với năm 2018 và đạt 86,49 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2020 chủ yếu tới từ doanh thu thương mại ván ghép thanh. Theo định

hướng của Công ty thì việc thương mại ván ghép thanh vẫn là hoạt động đóng góp lớn trong tỷ trọng doanh thu trong những năm tiếp theo.

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2019 là 2,6 tỷ đồng tăng mạnh so với năm 2018, đây là khoản tiền lãi do các Công ty thực hiện cho vay đối với cán bộ công nhân viên có đóng góp tích cực nhằm hỗ trợ nhân viên ổn định và tập trung cống hiến, thời hạn vay từ 1-3 tháng tổng số tiền cho vay trong năm 2019 là 59,6 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2019, toàn bộ các khoản vay này đã được Công ty thu hồi đầy đủ và đúng thời hạn. Trong 9 tháng đầu năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản cho vay dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính chỉ còn hơn 659 nghìn đồng.

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh gia tăng, tuy nhiên do vốn chủ sở hữu bình quân năm 2018 thấp làm cho chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2019 giảm xuống còn 1,73% so với 1,82% năm 2018.

Đối với chỉ tiêu hợp nhất: Tổng giá trị tài sản năm 2019 giảm nhẹ 1,33% còn 408,62 tỷ đồng, tuy nhiên việc lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt gần 19,82 tỷ đồng đã làm cho vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 5,87% so với năm 2018 lên 357,337 tỷ đồng.

Doanh thu thuần năm 2019 đạt trên 422,7 tỷ đồng tăng 4,06% so với năm 2018, trong 9 tháng đầu năm 2020 doanh thu của Công ty là 270,95 tỷ đồng đạt 58,14% kế hoạch năm. Để đảm bảo việc lưu thông hàng hóa trước ảnh hưởng tiêu cực của tình hình dịch bệnh, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện các chính sách bán hàng, giảm giá hàng, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2019 là 1,37 tỷ đồng tăng mạnh so với năm 2018, đây là khoản tiền lãi do Công ty thực hiện cho vay đối với cán bộ công nhân viên có đóng góp tích cực nhằm hỗ trợ nhân viên ổn định và tập trung cống hiến cho Công ty, thời hạn vay từ 1-3 tháng tổng số tiền cho vay trong năm 2019 là 38,5 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2019, toàn bộ các khoản vay này đã được Công ty thu hồi đầy đủ và đúng thời hạn. Trong 9 tháng đầu năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản cho vay dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính chỉ còn hơn 177 nghìn đồng.

Việc tham gia vào hoạt động sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ thiết kế đóng góp cho Công ty hơn 11 tỷ đồng lợi nhuận gộp làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2019 tăng 76,81% đạt 22,29 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2019 đạt 5,70% tăng mạnh so với 1,82% năm 2018, điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của Công ty đã được cải thiện đáng kể. 9 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 12,94 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Những nhân tố thuận lợi

- Mặt bằng sản xuất rộng rãi đảm bảo cho Công ty tăng lượng hàng dự trữ khi tình hình thị trường biến động cũng như đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc mở rộng quy mô, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam hiện đang có thế mạnh về dây chuyền, công nghệ sản xuất đồ nội thất; đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất nội thất. Những nhân tố này đã góp phần tạo nên thương hiệu và gia tăng giá trị cho hàng hóa Công ty.
- Nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng cao. Công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu khắt khe của thị trường.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm trong ngành.

❖ Những nhân tố khó khăn

Canh tranh trong ngành: Hiện nay trong nước có khoảng 3.500 Công ty chế biến gỗ, hơn 340 làng nghề gỗ và lượng lớn các hộ gia đình kinh doanh, sản xuất đồ nội thất từ gỗ.

Thời gian gần đây đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong đầu tư vào ngành gỗ của các doanh nghiệp Trung Quốc. Có thể sự dịch chuyển này là những động thái nhằm tránh các chính sách về thuế của Mỹ áp dụng cho các mặt hàng của Trung Quốc xuất khẩu vào quốc gia này. Gia tăng đầu tư Trung Quốc vào ngành chế biến gỗ của Việt Nam cũng có thể là phản ứng của các doanh nghiệp Trung Quốc với chính sách môi trường ngày càng nghiêm ngặt của Chính phủ Trung Quốc đối với các ngành sản xuất nội địa. Ngoài các doanh nghiệp Trung Quốc, các doanh nghiệp nội địa cũng từng bước chuyển mình để nâng cao năng lực cạnh tranh, BKG Việt Nam cần nỗ lực hơn rất nhiều để chiếm lĩnh thị trường.

Hàng tồn kho lớn: Tồn kho nguyên liệu, thành phẩm với giá trị lớn luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro và tốn nhiều chi phí đối với Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Về hoạt động kinh doanh ván ghép và sản xuất đồ nội thất

Hiện nay, nước ta có khoảng 3.500 doanh nghiệp chế biến gỗ, 340 làng nghề gỗ và số lượng lớn các hộ gia đình sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ chưa được thống kê, trong đó đa phần là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Ngoài các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*FDI – chiếm khoảng 16% số doanh nghiệp chế biến gỗ*), BKG Việt Nam có năng lực sản xuất tốt về các sản phẩm gỗ xuất khẩu so với mặt bằng chung các doanh nghiệp trong nước.

So với các doanh nghiệp trong ngành, các nhà máy của Công ty tập trung tại thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, có lợi thế về giao thông cho việc nhập xuất hàng. Với diện tích nhà xưởng

trên 15.500 m² cùng dây chuyền hiện đại giúp Công ty có khả năng cạnh tranh với chất lượng tốt, giá thành và sản lượng ổn định.

Ngoài ra, trong thời gian tới khi dự án trồng rừng nguyên liệu với diện tích 491,43ha của Công ty được đưa vào hoạt động, BKG Việt Nam sẽ chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, qua đó ổn định chi phí và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay các sản phẩm của BKG Việt Nam được cả thị trường trong nước và nước ngoài đánh giá cao.

Bảng 13: Đánh giá một số Công ty cùng ngành của BKG Việt Nam

(Đơn vị: Triệu đồng)

Tên Công ty	Mã cổ phiếu	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Doanh thu năm 2019	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	BKG	320.000	Sản xuất và thương mại các sản phẩm từ gỗ	422.706	19.816
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	GTA	104.000	Khai thác và chế biến và sản xuất đồ gỗ.	662.562	18.294
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	TTF	3.111.983	Sản xuất đồ mộc, ván trang trí nội thất	720.666	(1.002.588)
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	GDT	171.370	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ: đồ bếp, đồ gia dụng, nội thất...	345.634	74.221
Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	485.994	Chế biến sản phẩm gỗ và đá granite.	2.823.038	412.953
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	TLD	187.198	Sản xuất và thương mại ván ép, xây dựng	337.809	13.552

Về hoạt động sản xuất nông nghiệp

Hiện nay, quy mô trang trại sản xuất nông nghiệp của Công ty mới chỉ ở mức trung bình, tuy nhiên nhờ áp dụng các kỹ thuật nuôi trồng hiện đại theo tiêu chuẩn VietGAP các sản phẩm của Công ty luôn có tính cạnh tranh cao và dễ được thị trường đón nhận. Ngoài ra, việc sản phẩm cam tại Cao Phong được Cục Sở hữu Trí tuệ chứng nhận “Thương hiệu chỉ dẫn địa lý” năm 2014 cũng là một lợi thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Về hoạt động kinh doanh ván ghép và sản xuất đồ nội thất

Khi hội nhập sâu vào sân chơi toàn cầu với 2 hiệp định CPTPP và đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) ngành gỗ Việt Nam sẽ có những cơ hội lớn. Ngành gỗ Việt Nam sẽ được thị trường các nước lớn để ý, qua đó các đơn hàng chảy về Việt Nam ngày càng nhiều và thuận lợi hơn. Tương lai 10 - 15 năm tới Việt Nam có thể sẽ trở thành trung tâm sản xuất đồ gỗ lớn hàng đầu thế giới. Trong vòng 1 năm, trở lại đây rất nhiều các tập đoàn và các Công ty của Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... thậm chí cả các doanh nghiệp Trung Quốc cũng dịch chuyển nhà máy sản xuất đồ gỗ về Việt Nam để bán vào thị trường Mỹ.

Năm 2018 là cột mốc thời gian quan trọng với ngành chế biến gỗ và xuất khẩu lâm sản bởi môi trường kinh doanh có nhiều thay đổi. Chưa bao giờ, ngành gỗ Việt Nam đạt thành tích ấn tượng như năm 2018 dù đây là năm thị trường thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Trong năm 2018 tốc độ tăng trưởng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm đồ gỗ tăng rất mạnh đạt hơn 9 tỷ đô la, đứng thứ 5 thế giới, thứ 2 tại Châu Á, chiếm khoảng 6-7% thị phần thế giới.

Một sự kiện có sức ảnh hưởng lớn đến ngành gỗ Việt Nam trong năm 2018 không thể không nhắc tới là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Mỹ áp thuế 25% với các sản phẩm gỗ của Trung Quốc nên rất nhiều tập đoàn lớn của Mỹ để ý đến Việt Nam và muốn dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam, dần dần biến Việt Nam thành trung tâm sản xuất đồ gỗ của thế giới.

Với kết quả thành công mỹ mãn của năm 2018, bước sang năm 2019 với hiệp định CPTPP và VPA/FLEGT có hiệu lực, sẽ là điều kiện vô cùng thuận lợi, để ngành xuất khẩu gỗ sẽ sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong sản xuất xuất khẩu của Việt Nam (theo định hướng của Chính phủ) và đặc biệt là thị trường tiềm năng sẽ tiếp tục được mở rộng.

Khi tham gia vào CPTPP ngành gỗ Việt Nam sẽ có nhiều thuận lợi, sẽ là cơ hội để các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam tiếp tục thâm nhập sâu hơn vào thị trường các nước tham gia CPTPP khi thuế xuất nhập khẩu về 0%: Nhật Bản, Canada, Mexico...

Bên cạnh cơ hội, triển vọng từ các thị trường rộng lớn, khi CPTPP có hiệu lực, còn giúp việc mua máy móc, thiết bị và công nghệ từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Canada... được thuận lợi hơn, khi thuế hạ xuống.

Cùng với đó, việc Việt Nam ký hiệp định VPA/FLEGT với Liên minh Châu Âu (EU) sẽ mở rộng cửa xuất khẩu gỗ của Việt Nam ra thị trường thế giới, sang các nước châu Âu vốn có quy định rất khắt khe về nguồn gốc xuất xứ gỗ.

Có thể thấy, với việc thực thi Hiệp định VPA và việc bắt đầu cấp phép FLEGT, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có quyền tiếp cận trực tiếp vào thị trường EU mà không phải trải qua một quá trình kiểm tra tính hợp pháp rườm rà. Đây sẽ được xem là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam với các nước không có một hiệp định VPA đầy đủ.

Về hoạt động sản xuất nông nghiệp

Thời gian qua, việc sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGAP đang được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ nhu cầu thị trường. Đến nay, đã có hàng trăm nghìn héc-ta cây trồng được chứng nhận VietGAP, qua đó giúp nâng cao chất lượng, giá trị cho hàng nông sản.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, việc sản xuất theo hướng VietGAP giúp tạo ra các sản phẩm nông nghiệp bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, sức khỏe người tiêu dùng và truy xuất được nguồn gốc của sản phẩm. Qua thống kê, cả nước hiện có mới chỉ đạt gần 120 nghìn ha được chứng nhận VietGAP. Năm 2019, diện tích được chứng nhận VietGAP đạt gần 40 nghìn ha (*trong đó 22 nghìn ha cây ăn quả; 6 nghìn ha rau; hơn 5 nghìn ha lúa; 5 nghìn ha chè; 101 ha cà-phê...*) chiếm rất nhỏ trong cơ cấu nông nghiệp và chưa đáp ứng được nhu cầu trong nước. Định hướng trong những năm tới, Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGAP để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với các sản phẩm gỗ nội thất, ván ghép thanh và nguyên liệu lâm sản: Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam, năm 2019 giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 11,2 tỷ USD (đạt 107% so với kế hoạch 10,5 tỷ USD), tăng 20% so với năm 2018, trong đó xuất khẩu vào Mỹ chiếm xấp xỉ 51%, Trung Quốc chiếm 10,5%. Đây cũng là năm đầu tiên giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản của Việt Nam đạt giá trị trên 10 tỷ USD. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động từ dịch Covid-19 nhưng ngành gỗ vẫn có dư địa phát triển tốt và tiềm năng nâng cao chuỗi giá trị. Nếu dịch Covid-19 qua đi thì khả năng giá trị xuất khẩu của ngành gỗ vẫn đạt được mục tiêu 12 tỷ USD. Về thị trường trong nước theo số liệu của Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP.Hồ Chí Minh (HAWA), chỉ riêng với đồ gỗ, nhu cầu tiêu thụ bình quân ở Việt Nam là 21 USD/người/năm. Trong vòng 5 năm qua, có khoảng 400.000 - 500.000 căn hộ nhà phố, chung cư cao cấp ra đời tại Việt Nam. Trung bình mỗi căn hộ sử dụng ít nhất từ 1-2 trăm triệu đồng cho phần nội thất, như vậy, có khoảng 100 nghìn tỷ đồng được sử dụng cho nhu cầu này. Ngoài bất động sản, ngành hàng đồ nội thất

tăng trưởng mạnh còn liên quan đến sự hình thành của giới trung lưu ở Việt Nam đã lan tỏa gu thẩm mỹ, nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng.

Với các sản phẩm nông nghiệp: Sự phát triển của xã hội, mức sống của người dân Việt Nam ngày càng tăng cao, đi kèm với đó là những đòi hỏi ngày càng khắt khe đối với sự an toàn của các loại thực phẩm phục vụ nhu cầu ăn uống hằng ngày. Nhận biết được nhu cầu đó, trong những năm gần đây có rất nhiều thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch được đưa ra thị trường, tuy nhiên kèm theo đó là những bất cập về thật – giả, hàng kém chất lượng, không đạt tiêu chuẩn. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 về nông nghiệp hữu cơ được Chính phủ ban hành và bộ tiêu chuẩn Việt Nam về thực phẩm an toàn đã tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của thị trường nông nghiệp sạch.

Với định hướng trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện các công việc chính sau đây:

Tăng cường đầu tư thiết bị máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động kinh doanh, sản xuất của Công ty. Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm.

Mở rộng hoạt động sản xuất nội thất, ứng dụng các công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hoàn thiện về quy trình, quy chuẩn sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP qua đó đưa các sản phẩm nông nghiệp của Công ty tiếp cận các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch để nâng cao sản lượng tiêu thụ và gia tăng lợi nhuận của Công ty.

Công ty chú trọng phát triển thị trường trong nước nhằm đưa sản phẩm nội thất tốt nhất tới được với người tiêu dùng. Ngoài ra Công ty còn tích cực nghiên cứu và mở rộng các thị trường nước ngoài có tiềm năng lớn và giá trị xuất khẩu cao. Công ty tiếp tục giữ quan hệ tốt với các đối tác, khách hàng của Công ty, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng và nhà cung cấp nguyên vật liệu.

9. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty xác định đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

9.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 30/09/2020, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 98 người.

Bảng 14: Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	30/09/2020
Số lượng nhân viên	98
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ đại học và trên đại học	19
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	32
3. Lao động phổ thông	47
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGD, KTT)	3
2. Hợp đồng dài hạn	80
3. Hợp đồng ngắn hạn	15

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam)

8.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 tiếng đồng hồ đối với cán bộ văn phòng. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Đối với bộ phận sản xuất được làm 2 ca/ngày, mỗi ca kéo dài từ 12 tiếng và được hưởng đầy đủ các đãi ngộ như cán bộ công nhân viên.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên.

❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc,

năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 15 đến ngày 20 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Vào các ngày lễ, Tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong năm 2018 và 2019, Công ty không chi trả cổ tức do phải sử dụng nguồn lợi nhuận để bổ sung vốn lưu động, tập trung phát triển sản xuất kinh doanh. Mức chi trả cổ tức năm 2020 của Công ty là 6%, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chia cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao Tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 10 năm |

❖ Mức lương bình quân

- Lương lao động bình quân năm 2019 của công nhân: 6.500.000 – 7.000.000 đồng/tháng.
- Lương lao động bình quân năm 2019 của nhân viên khối văn phòng: 7.500.000 đồng/tháng.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ				
1	Thuế GTGT	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	998.140.910	1.662.673.161	2.391.131.262
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	209.526.692	-

4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.406.635	165.000
Tổng cộng		998.140.910	1.896.606.488	2.391.296.262
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Thuế GTGT	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.681.975.598	3.369.193.418	3.503.448.001
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	209.526.692	-
4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.406.635	165.000
Tổng cộng		2.681.975.598	3.603.126.745	3.503.613.001

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 16: Các khoản vay

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ				
1	Vay ngắn hạn	-	-	180.000.000
2	Vay dài hạn	-	-	673.400.000
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
Tổng cộng		-	-	853.400.000
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Vay ngắn hạn	26.569.236.883	30.798.244.900	31.062.125.300
2	Vay dài hạn	6.974.695.083	6.364.889.000	6.728.905.000
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
Tổng cộng		33.543.931.966	37.163.133.900	37.791.030.300

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Bảng 17: Chi tiết các khoản vay của Công ty
(Đơn vị: đồng)

Các khoản vay	31/12/2018	31/12/2019	Lãi suất %/năm	Mục đích
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Chương Mỹ	32.371.008.883 (*)	34.885.732.900	- Khoản vay dài hạn: 12%/năm - Khoản vay ngắn hạn: theo các hợp đồng tín dụng cụ thể	Mua nguyên vật liệu để sản xuất hàng gỗ xuất nhập khẩu, nội thất, hàng gia dụng
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – CN Hà Nội	1.172.923.083	2.277.401.900	9,49%/năm	Mua ô tô
Tổng cộng	33.543.931.966	37.163.133.900		

(*) trong đó số dư ngoại tệ là 213.910 USD tương ứng với 4.966.990.200 đồng.

Hiện tại, Công ty mẹ không phát sinh các khoản vay. Các khoản vay của BKG Việt Nam chỉ phát sinh tại các Công ty con. Cụ thể là khoản vay 36.590.573.900 đồng phát sinh tại Công ty Cổ phần Gỗ BKG, khoản vay 572.560.000 đồng phát sinh tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home.

Tổng dự nợ vay của Công ty ở mức tương đối an toàn với tỉ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 22,68% tại 31/12/2018 và 14,34% tại 31/12/2019. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại với nhu cầu vốn lớn, tuy nhiên hiện tại BKG Việt Nam đang duy trì một cơ cấu vốn ổn định, an toàn và hoàn toàn có khả năng chi trả gốc và lãi vay bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019, Công ty tiến hành cho vay đối với cán bộ công nhân viên có đóng góp tích cực cho các hoạt động của Công ty và giúp Công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng đối với các nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty trong ngắn hạn (1-3 tháng) đồng thời gắn kết các nhân sự quan trọng với Công ty. Tổng số tiền cho vay trong kỳ là 59,6 tỷ đồng, tính đến ngày 31/12/2019 toàn bộ các khoản vay và lãi từ việc cho vay đã được Công ty thu hồi đầy đủ.

❖ **Hàng tồn kho**

Là doanh nghiệp sản xuất và thương mại nên lượng hàng tồn kho của Công ty trên chỉ tiêu hợp nhất là khá lớn (127,8 tỷ năm 2018; 78 tỷ năm 2019; 68,95 tỷ tại 30/09/2020). Hàng tồn kho hiện nay của Công ty chủ yếu là hàng hóa (ván ghép và nguyên liệu lâm sản) và nguyên vật liệu.

Sau dịch bệnh, Công ty phải đảm bảo đầy đủ các nguyên vật liệu để thúc đẩy các hoạt động sản xuất của BKG Việt Nam được trở lại ổn định. Công ty dự trữ hàng tồn kho lớn nhưng không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do vòng quay hàng tồn kho của Công ty là tương đối lớn (5,45 lần năm 2018 và 3,83 lần năm 2019), số lượng hàng tồn kho này được sử dụng thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Giá bán của thành phẩm đầu năm sau đều cao hơn giá ghi sổ của các mặt hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính của năm trước. Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02-Hàng tồn kho, từ đoạn 18-22, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Hơn nữa sản phẩm của Công ty chủ yếu sản phẩm sản xuất từ gỗ - ít có sự biến động giảm trên thị trường, do đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Công ty đã thuyết minh chi tiết về giá trị hàng tồn kho tại Thuyết minh số V.5. Hàng tồn kho trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 – 2019 (Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND).

Bảng 18: Hàng tồn kho
(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ				
1	Nguyên vật liệu	-	-	3.945
2	Thành phẩm	-	-	279.852.054
3	Hàng hóa	41.573.023.378	6.267.300.000	12.989.798.378
4	Công cụ dụng cụ	446.000	-	-
Tổng cộng		41.573.469.378	6.267.300.000	13.269.654.377
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Hàng mua đang đi đường	684.000.000	-	-
2	Nguyên vật liệu	60.485.142.984	14.707.784.511	14.785.582.800
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	402.544.594	910.565.844
4	Thành phẩm	1.816.522.908	1.639.162.257	1.584.143.298
5	Hàng hóa	64.894.753.463	61.282.944.517	51.669.215.945
6	Công cụ dụng cụ	446.000	-	500.000
Tổng cộng		127.880.865.355	78.032.435.879	68.950.007.887

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

➤ **Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

Bảng 19: Các khoản phải thu

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
A. Chi tiêu Công ty mẹ				
1	Phải thu khách hàng	30.131.154.900	27.074.245.317	8.376.904.577
2	Trả trước người bán	30.739.520.000	73.255.194.029	83.116.123.203
3	Khoản cho vay	-	-	-
4	Phải thu khác	-	1.150.000.000	6.176.207.000
Tổng cộng		60.870.674.900	101.479.439.346	97.669.234.780
B. Chi tiêu hợp nhất				
1	Phải thu khách hàng	109.741.337.627	73.853.607.973	37.653.287.745
2	Trả trước người bán	75.739.215.033	108.178.865.861	151.075.877.893
3	Khoản cho vay	-	-	-
4	Phải thu khác	2.000.000.000	7.195.000.000	16.830.903.197
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
Tổng cộng		187.480.552.660	189.227.473.834	205.560.068.835

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu Công ty mẹ: Các khoản phải thu năm 2019 của Công ty tăng mạnh lên gần 101,5 tỷ đồng so với 60,87 tỷ đồng năm 2018.

Cuối năm 2019, Công ty thực hiện trả trước cho việc mua đất tại Hòa Bình và thành phố Hạ Long với giá trị 48,45 tỷ đồng. Hiện nay Công ty đang hoàn tất các thủ tục sang tên các tài sản trên tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Tính đến hết 30/09/2020, tổng các khoản phải thu của Công ty là gần 97,67 tỷ đồng, trong đó khoản phải thu khách hàng là 8,38 tỷ đồng; trả trước người bán là 83,12 tỷ đồng và phải thu khác là 6,18 tỷ đồng.

Đối với chỉ tiêu hợp nhất: Tổng các khoản phải thu của Công ty tại ngày 30/09/2020 là gần 205,56 tỷ đồng tăng 16,33 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2019. Trong đó khoản phải thu khách hàng là 37,65 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản phải thu của các khách hàng thương mại ván ghép

thanh và nguyên liệu lâm sản của Công ty (CTCP Vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng: 4,57 tỷ đồng; CTCP chế biến gỗ Bắc Việt: 18,84 tỷ đồng...). Các khoản trả trước người bán của Công ty tại 30/09/2020 tăng lên mức 151,07 tỷ đồng, ngoài việc thực hiện trả trước cho việc mua đất nêu trên, BKG Việt Nam còn thực hiện việc trả trước cho các nhà cung cấp ván ghép thanh và nguyên liệu lâm sản để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng với khách hàng, đây đều là các khách hàng uy tín và có quan hệ làm ăn lâu năm với Công ty nên luôn đảm bảo được việc giao hàng đúng hạn. Khoản phải thu khác năm 2018 và 2019 lần lượt là 2 tỷ đồng và 7,2 tỷ đồng, đây là khoản tạm ứng cho các cán bộ công nhân viên đi mua giống cây, các nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong kỳ kế toán, các cán bộ công nhân viên đã thực hiện đầy đủ việc mua hàng và hoàn ứng phần tiền không sử dụng hết cho Công ty.

Bảng 20: Các khoản phải thu ngắn hạn theo đối tượng của Công ty

(Đơn vị: đồng)

Đối tượng	Giá trị tại 31/12/2019	Giá trị tại 30/09/2020
A. Công ty mẹ		
Công ty TNHH MTV Minh Trúc Xuân	14.047.585.520	-
Công ty TNHH D&G Việt Nam	6.434.849.350	-
Công ty TNHH XNK Hưng Thịnh	3.459.436.200	-
CTCP Cơ khí Thịnh Cường	-	1.188.079.000
CTCP Vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	-	4.574.170.832
CTCP Quốc tế Đầu tư Thiên Phát	100.000.000	1.067.660.000
Các khách hàng khác	3.032.374.247	1.546.994.745
Tổng cộng	27.074.245.317	8.376.904.577
B. Chỉ tiêu hợp nhất		
Công ty TNHH MTV Minh Trúc Xuân	14.047.585.520	-
Công ty TNHH D&G Việt Nam	6.434.849.350	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Bắc Việt	28.094.951.000	18.616.539.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành	973.775.000	-
CTCP Vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	-	4.574.170.832
CTCP Xây dựng và TM Hưng Thịnh	-	3.215.452.000
Các khách hàng khác	24.302.447.103	11.247.125.913
Tổng cộng	73.853.607.973	37.653.287.745

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Các khoản phải thu ngắn hạn này đều là các khách hàng mà BKG Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Theo chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường, thời hạn thanh toán của các khoản

phải thu này là 30 ngày sau khi xuất hóa đơn, các khoản phải thu này đều được các đối tác thanh toán đúng thời hạn.

➤ **Các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn**

Bảng 21: Các khoản phải trả

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
A. Chỉ tiêu Công ty mẹ				
1	Phải trả người bán	3.684.645.001	4.207.533.202	1.681.262.573
2	Người mua trả tiền trước	111.902.597	-	628.264.130
3	Thuế và các khoản phải nộp	998.140.910	1.896.606.488	2.391.296.262
4	Phải trả người lao động	51.046.418	172.206.890	214.934.700
5	Chi phí phải trả	60.000.000	-	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	163.973.185	485.070.503
7	Vay và nợ	-	-	853.400.000
Tổng cộng		4.905.734.926	6.440.319.765	6.254.228.168
B. Chỉ tiêu hợp nhất				
1	Phải trả người bán	36.935.072.882	3.133.732.029	5.833.177.557
2	Người mua trả tiền trước	2.445.427.987	6.224.485.163	2.649.362.983
3	Thuế và các khoản phải nộp	2.681.975.598	3.603.126.745	3.503.613.001
4	Phải trả người lao động	481.772.409	441.075.455	619.934.617
5	Chi phí phải trả	417.944.491	256.329.008	1.233.317.626
6	Phải trả khác	38.968.430	418.922.487	1.163.348.927
7	Vay và nợ	33.543.931.966	37.163.133.900	37.791.030.300
8	Doanh thu chưa thực hiện	-	-	2.133.000.000
Tổng cộng		76.545.093.763	51.240.804.787	54.926.785.011

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

Đối với chỉ tiêu Công ty mẹ: Các khoản phải trả tính đến 30/09/2020 giảm xuống còn 6,25 tỷ đồng so với 6,44 tỷ đồng năm 2019, 9 tháng đầu năm Công ty đã thực hiện thanh toán hết phần lớn tiền hàng, số dư các khoản phải trả người bán tại ngày 30/09/2020 chỉ còn gần 1,68 tỷ đồng.

Đối với chỉ tiêu hợp nhất: Các khoản phải trả tính đến 31/12/2019 là 51,2 tỷ đồng giảm 25,3 tỷ đồng so với năm 2018. Nguyên nhân chính là do việc chủ động trong khâu thanh toán làm giảm các khoản phải trả người bán từ 36,9 tỷ đồng năm 2018 xuống còn 3,1 tỷ đồng năm 2019. Tại ngày 30/09/2020, tổng các khoản phải trả của Công ty là gần 54,93 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản vay và nợ 37,79 tỷ đồng, khoản doanh thu chưa thực hiện 2,13 tỷ tới từ việc cho thuê tài sản của Công ty.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	4,76	6,44
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho	Lần	2,92	4,70
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	29,55	12,46
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	40,38	14,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	Vòng	5,45	3,82
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,57	1,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,41	4,69
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,17	5,70
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	3,78	4,82
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	3,10	5,27

(Nguồn: Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

Về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán năm 2019 cải thiện rõ so với năm 2018. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2019 lần lượt là 6,44 và 4,7 tăng 35% và 61% cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty luôn được đảm bảo

Về cơ cấu vốn: Hai chỉ tiêu Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm trong năm 2019 do nợ phải trả trong năm 2019 đã giảm về mức 51,2 tỷ đồng so với mức 76,5 tỷ đồng của năm 2018. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2019 lần lượt là 12,46% và 14,75%. Như vậy, mức độ độc lập tài chính của Công ty đang rất cao, nguồn lực hoạt động chủ yếu đến từ nội tại, không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vay nợ bên ngoài.

Về các chỉ tiêu năng lực hoạt động: Việc tích trữ lượng hàng tồn kho đủ lớn để phục vụ bán hàng cho các tháng đầu năm đã làm cho vòng quay hàng tồn kho năm 2019 giảm xuống còn 3,82 vòng so với 5,45 vòng năm 2018. Tuy nhiên, hệ số này được đánh giá là tốt so với các doanh nghiệp cùng quy mô ngành. Chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân được cải thiện tốt qua các năm. Những con số này đang phản ánh tốt về hoạt động của BKG Việt Nam.

Về các chỉ tiêu khả năng sinh lời: Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng so với năm 2018. Đây là một tín hiệu tích cực cho Công ty trong giai đoạn phát triển này. Việc thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản xuất và mở rộng các ngành nghề mới sẽ giúp các chỉ số về khả năng sinh lời của BKG Việt Nam tăng mạnh trong các năm tới.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách

➤ Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
5	Điền Văn Trung	Thành viên HĐQT

➤ Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc

➤ Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Ngọc Lan	Trưởng BKS
2	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên BKS
3	Đặng Phước Đức	Thành viên BKS

➤ **Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Lương Bảo Ngọc	Kế toán trưởng

12.2. Sơ yếu lý lịch

➤ **Hội đồng quản trị**

a. Chủ tịch HĐQT – Ông TRẦN CÔNG THÀNH

- Họ và tên: TRẦN CÔNG THÀNH
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/08/1968
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Ngô Gia Tự, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
- Số CMND: 00106807006 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 20/05/2016
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Phú Cường ; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Tây Bắc.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1993 – 1994	Chuyên viên	Sở Xây dựng Hà Tây
Từ 1995 - 1998	Kế toán trưởng	Công ty Vật tư Xây dựng Hà Tây

Từ 1999 - 2001	Giám đốc Chi nhánh	Công ty Cổ phần Đông lạnh Việt Tân – Chi nhánh Hà Nội
Từ 2002 - 2011	Giám đốc Điều hành	Doanh nghiệp tư nhân Thành Tâm
Từ 2012 - 2014	Giám đốc	Công ty TNHH Đông lạnh Phú Cường
Từ 2014 - Nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Phú Cường
Từ T2/2020 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Tây Bắc
Từ T09/2018 - Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 6.000.000 cổ phần, chiếm 18,75% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 100.000 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Thị Hạnh Tâm	Vợ	100.000	0,31

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT, lương.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN VĂN HÙNG

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÙNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/08/1987
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phú Lương – Hà Đông – Hà Nội
- Số CMND: 001087011386 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp: 04/04/2016

- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành ; Giám đốc Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T7/2009 – T6/2011	Chuyên viên tín dụng – Khối khách hàng cá nhân	Ngân hàng Standard Chartered
Từ T7/2011 – T8/2012	Chuyên viên tín dụng – Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Hà Nội (HabuBank)
Từ T9/2012 – T6/2014	Chuyên viên tín dụng – Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
Từ T7/2014 – T11/2018	Giám đốc điều hành	Công ty TNHH Nội thất Huy Hòa
Từ T11/2018 – T2/2019	Trưởng Ban kiểm soát nội bộ	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
Từ T8/2016 - Nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành
Từ T12/2019 - Nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ
Từ T2/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 4.800.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 1.500.000 cổ phần chiếm 4,69% VDL

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
------------	------------------	--------------------	---------------------------------	------------------

1	Nguyễn Minh Hải	Anh trai	1.500.000	4,69
---	-----------------	----------	-----------	------

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao từ HĐQT, lương.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN MINH HẢI

- Họ và tên: NGUYỄN MINH HẢI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/03/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 1230 tòa nhà HH 02-1C Khu đô thị Thanh Hà, xã Cự Khê, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 111665165 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 25/08/2010
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Rừng BKG Độc Lập ; Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2004 - 2010	Kỹ thuật viên	Công ty Cổ phần COMA 18
Từ 2011 - 2014	Trưởng phòng kế hoạch	Công ty Cổ phần Phúc Châu An
Từ 2015 - 2018	Giám đốc	Công ty Cổ phần Thiết bị DTA
Từ 2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam
Từ T3/2020 - Nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Phát triển Rừng BKG Độc Lập
Từ T3/2020 - Nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home
Từ 2020 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 4,69% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 4.800.000 cổ phần chiếm 15% VDL

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Hưng	Em trai	4.800.000	15

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN QUANG DUY

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG DUY
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/09/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phố Yên Bình, phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội.
- Số CMND: 111456591 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 26/07/2012
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T6/2004 – T12/2008	Trưởng phòng kinh doanh	Công ty TNHH Tiến Động
Từ T1/2009 – T12/2011	Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế An Phát
Từ T1/2012 - Nay	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF
Từ T4/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, (tương ứng 0%)
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT, lương.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Thành viên HĐQT – Ông ĐIỀN VĂN TRUNG

- Họ và tên: ĐIỀN VĂN TRUNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/07/1978
- Nơi sinh: Ninh Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 108 Trần Tử Bình, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Số CMND: 164039664 Nơi cấp: CA Ninh Bình Ngày cấp: 03/12/2007
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T02/2001 - T3/2006	Phó phòng Thương mại	Công ty TNHH Tuấn Đức
Từ T4/2006 – T10/2008	Trưởng phòng bán hàng – KV1	Trung tâm viễn thông di động Htmobile (Vietnammobile)
Từ T11/2008 – T8/2011	Trưởng phòng đầu tư và dịch vụ tài chính	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI Finance)
Từ T9/2011 – T7/2013	Chuyên viên – Ban tín dụng xuất khẩu	Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB)
Từ T8/2013 –	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư và nắm giữ Thái Sơn

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T04/2019		
Từ T04/2019 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

a. **Tổng Giám đốc – Ông NGUYỄN VĂN HÙNG** (xem mục Hội đồng Quản trị 12.b)

b. **Phó Tổng giám đốc – Ông NGUYỄN MINH HẢI** (xem mục Hội đồng Quản trị 12.c)

➤ **Ban Kiểm soát**

a. **Trưởng BKS – Bà TRẦN NGỌC LAN**

- Họ và tên: TRẦN NGỌC LAN
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/01/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 3B Đặng Thái Thân, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMND: 000117700862 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư
- Ngày cấp: 04/04/2016
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
------------------	----------------	------------------------

Từ 2000 - 2004	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH Thương mại Hàn
Từ 2005 – 2006	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Thịnh
Từ 2007 - 2011	Phó phòng kế toán	Công ty TNHH Ngọc Sơn
Từ 2012 - 2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành
Từ 2014 - 2015	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lộc Phát
Từ 2016 - 2018	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú
Từ T4/2019 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 80.000 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Thành viên BKS – Bà PHAN THỊ THU HÀ

- Họ và tên: PHAN THỊ THU HÀ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/01/1971
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: H12, P13, tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Số CMND: 011595891 Nơi cấp: CA. Hà Nội Ngày cấp: 15/02/2012
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng – Tập đoàn Bảo Sơn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 1992 - 1995	Kế toán viên	Công ty Cổ phần Quốc tế Trường Xuân
Từ 1995 - 2005	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo
Từ 2005 – T10/2006	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Hà Nội Milk
Từ T10/2006 - Nay	Kế toán trưởng	Tập đoàn Bảo Sơn
Từ T4/2019 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS, lương
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên BKS – Ông ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

- Họ và tên: ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/05/1992
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 38 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số CMND: 191704637 Nơi cấp: CA. Thừa Thiên Huế Ngày cấp: 09/08/2006
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
------------------	----------------	------------------------

Từ T10/2014 – T5/2015	Trợ lý Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán An Phú (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt)
Từ T7/2015 – T5/2017	Trợ lý Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á
Từ T6/2017 – T4/2019	Kiểm soát nội bộ	Công ty TNHH MTV Gỗ BKG
Từ T4/2019 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

➤ **Kế toán trưởng: Ông PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**

- Họ và tên: PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/03/1985
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 25, ngách 179/78 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND: 038085000047 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày cấp: 05/08/2013
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
-----------	---------	-----------------

Từ 2008 - 2010	Kế toán viên	Công ty TNHH ABB
Từ 2010 - 2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Chuỗi thực phẩm TH
Từ 2014 - 2015	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Nội thất Huy Hòa
Từ 2015 - 2018	Kế toán trưởng	Công ty TNHH VONTA Việt Nam
Từ 2019 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không.
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

13. Tài sản
Bảng 23: Tình hình tài sản hợp nhất của Công ty giai đoạn 2018 – 2020 (Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	25.767.563.010	19.567.066.841	33.216.351.650	22.650.209.616	34.400.189.103	20.404.176.894
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	346.019.520	343.395.140	595.338.895	557.254.657	595.338.895	493.265.868
2	Máy móc thiết bị	23.456.307.490	17.572.075.076	26.623.489.308	17.212.387.694	26.623.489.308	14.376.217.244
3	Phương tiện vận tải	1.965.236.000	1.651.596.625	3.587.054.182	2.779.801.216	4.698.675.272	3.509.210.717
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	536.000.000	511.075.000	608.216.363	489.809.419
5	Cây ăn quả lâu năm			1.874.469.265	1.589.691.049	1.874.469.265	1.535.673.647
	Tổng cộng	25.767.563.010	19.567.066.841	33.216.351.650	22.650.209.616	34.400.189.103	20.404.176.894

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của Công ty)

- Trong năm 2018, Công ty ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình do mua mới trong kỳ là 1,023 tỷ đồng, đây là khoản tiền mua bùồng sơn và xe ô tô của Công ty, giá trị tài sản dở dang tăng 6 tỷ đồng. Cũng trong năm, Công ty ghi nhận “Tăng khác” của Nhà cửa vật kiến trúc giá trị 346

triệu đồng, đây là tài sản nhận góp vốn vào Công ty CP thực phẩm Lành Mai Châu (Công ty con), đồng thời “thanh lý, nhượng bán” máy móc thiết bị tại Công ty Cổ phần BKG Trúc Xuân (Công ty con) cho Công ty TNHH Chế biến Tre Gõ Chương Mỹ với giá trị hơn 9,5 tỷ đồng.

- Trong năm 2019, Công ty ghi nhận Giá trị BĐS đầu tư tăng trong năm là 24.840.129.972 đồng bao gồm:
 - + Giá trị TSCĐ đang sử dụng được chuyển từ BĐS đầu tư sang: 10.534.074.684 đồng
 - + Giá trị của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang: 14.306.055.288 đồng (Được thuyết minh ở chỉ tiêu V.6b: Xây dựng cơ bản dở dang tại trang số 23 của Báo cáo Hợp nhất). Các tài sản này đã hoàn thiện nhưng chưa được sử dụng nên đang được ghi nhận vào chỉ tiêu xây dựng cơ bản dở dang.

Bảng 24: Danh mục một số máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty

STT	Tên tài sản	Thông tin	Nguyên giá (VNĐ)/ Mục đích sử dụng
A. Máy móc thiết bị			
1	Hệ thống máy chà nhám thùng 2 trục PR-52DA	Công suất đưa phôi: 4-16m/phút Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: Đánh bóng, chà láng bề mặt gỗ	2.026.000.000
2	Máy chà nhám gỗ đa chức năng	Công suất đưa phôi: 4-16m/phút Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: Đánh bóng, chà láng bề mặt gỗ	1.619.000.000
3	Thiết bị lò sấy	Công suất: 45m ³ /bộ (8 lò) Xuất xứ: Trung Quốc Công dụng: Sấy gỗ	2.400.000.000
4	Hệ thống máy ép	Công suất: 250 tấn/10KW Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: Ép thẳng, định hình sản phẩm, ép keo các sản phẩm	3.050.000.000
5	Hệ thống lò hơi, máy nén khí	Công suất: 01 tấn hơi/h; 30HP Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: Cung cấp hơi nước cho các thiết bị máy móc; tăng áp suất khí	1.352.000.000
6	Hệ thống máy cắt	Tốc độ trục chính: 2840r / phút Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: Cắt, hoàn thiện 2 đầu các bán thành phẩm	967.000.000
7	Hệ thống hút bụi	Xuất xứ: Việt Nam Công dụng: Lọc bụi sơn khi sơn sản phẩm.	2.695.021.982
8	Hệ thống các máy cưa, tiện, đánh mộng, ghép ngang	Công suất: 10.5kW Xuất xứ: Đài Loan Công dụng: dán cạnh gỗ, ván ép	2.512.727.000
9	Soi tubi trục đứng	Công suất: 9.000 vòng/phút, 6kW Xuất xứ: Đài Loan	767.819.636

STT	Tên tài sản	Thông tin	Nguyên giá (VNĐ)/ Mục đích sử dụng
		Công dụng: Phay các chi tiết công.	
B. Bất động sản			
1	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thị xã Sơn Tây – Hà Nội	Địa chỉ: Thôn Tam Sơn, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội Diện tích: 3.853,4 m ² <i>Trong đó: 400 m² đất ở và 3.453,4 m² đất trồng cây</i> Thời hạn sử dụng: Đất ở sử dụng lâu dài; Đất trồng cây sử dụng đến 01/07/2064.	Nhà xưởng sơ chế gỗ
2	Hệ thống 10 chuồng trại chăn nuôi gà và các công trình kèm theo	Địa chỉ: Thôn Lão Nội, xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình Diện tích trang trại: 77.051 m ² Diện tích chuồng: 13.000 m ²	Chuồng trại chăn nuôi gia cầm
3	Quyền sử dụng đất tại Lương Sơn – Hòa Bình	Địa chỉ: Xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Diện tích: 5.643,5 m ² <i>Trong đó: 800 m² đất ở và 4.843,5 m² đất trồng cây lâu năm</i> Thời hạn sử dụng: Đất ở sử dụng lâu dài; Đất trồng cây sử dụng đến 10/2045.	Thực hiện dự án vườn ươm cây giống gỗ keo
4	Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh (*)	Địa chỉ: Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh Diện tích: 445m ² Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị Thời hạn sử dụng: Lâu dài	Mở showroom giới thiệu sản phẩm và văn phòng thiết kế

(Nguồn: CTCP Đầu tư BKG Việt Nam)

(*) Theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, ngày 27/11/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 25: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2019	Năm 2020	
			Giá trị (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	422,71	466	10,43
2	Lợi nhuận sau thuế	19,82	23	16,07
3	Vốn điều lệ	320	320	-
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,69%	4.94%	-
6	Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	5,7	6,05	-
7	Cổ tức	-	6%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 Công ty)

➤ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:**

Năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất nội thất và các sản phẩm nông nghiệp.

Về hoạt động sản xuất nội thất: việc chủ động ký kết các hợp đồng dài hạn trong năm 2020-2021 với các đối tác nước ngoài sẽ ổn định đầu ra cho các hàng hóa nội thất của Công ty, cùng với đó việc hợp tác với các đơn vị khác để thực hiện các gọi thầu về nội thất cũng làm gia tăng doanh thu dự kiến cho mảng nội thất của Công ty đạt khoảng từ 70 – 75 tỷ đồng, với tỷ suất lợi nhuận khoảng 12%-13% dự kiến mảng sản xuất nội thất của Công ty sẽ đạt khoảng 8,5 – 9 tỷ lợi nhuận.

Về hoạt động sản xuất các sản phẩm nông nghiệp: việc hoàn thiện về quy trình sản xuất cùng với các điều kiện về mùa vụ dự báo thuận lợi 02 trang trại trồng cam và chanh leo của Công ty con – Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu sẽ cho sản lượng tăng khoảng 20% so với năm 2019. Sản phẩm nông nghiệp của BKG Việt Nam năm 2020 dự kiến đạt khoảng 11,5 tỷ đồng doanh thu và 9 tỷ đồng lợi nhuận.

Các hoạt động về thương mại (ván ghép thanh, nguyên liệu lâm sản, thức ăn chăn nuôi) vẫn là hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu cho Công ty, các dự báo khả quan về tăng trưởng năm 2020 của ngành chế biến gỗ và nguyên liệu lâm sản cùng với việc ngành chăn nuôi tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 4% sẽ là yếu tố thuận lợi cho cho hoạt động thương mại của Công ty. Dựa trên các hợp đồng đã ký kết và kỳ vọng phát triển, doanh thu dự kiến từ hoạt động thương mại năm 2020 của BKG Việt Nam sẽ đạt khoảng 380 tỷ đồng.

Ngoài ra, hoạt động thiết kế của Công ty trong năm 2020 sẽ được mở rộng để nâng cao năng lực trong việc hợp tác thực hiện các gói thầu về nội thất, hoạt động thiết kế năm 2020 sẽ đạt từ 3,5 – 4 tỷ đồng doanh thu và khoảng 3 tỷ đồng lợi nhuận.

Kết thúc 9 tháng đầu năm, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, vì vậy doanh thu và lợi nhuận của Công ty chỉ đạt 270,95 tỷ đồng và 10,67 tỷ đồng (trương ứng đạt 58,14% và 46,39% kế hoạch năm 2020). Để đối phó với tình hình kinh tế thế giới và kinh tế trong nước bị giảm sút mạnh, Ban Lãnh đạo Công ty đã có những chính sách thúc đẩy kinh doanh để đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra trong năm 2020 thông qua việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và thực phẩm sạch. Thực phẩm sạch, an toàn trong thời gian gần đây đã trở thành một phong trào tiêu dùng và mang lại biên lợi nhuận lớn cho các nhà sản xuất, cùng với dự báo gia tăng về nhu cầu và giá thành của ngành hàng này sẽ mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn trong thời gian tới. Ngoài ra, để đảm bảo việc tiêu thụ các sản phẩm từ gỗ, Công ty đã đẩy mạnh thương mại sản xuất các sản phẩm từ gỗ, nội thất tại thị trường trong nước, hợp tác với các dự án xây dựng để cung cấp dịch vụ thiết kế và thi công nội thất....cùng với việc tình hình dịch bệnh trong nước đã và đang được kiểm soát vì vậy các mục tiêu của Công ty đề ra cho năm 2020 là hoàn toàn khả thi.

Bảng 26: Các hợp đồng dự kiến trong năm 2020 - 2021

(Đơn vị: đồng)

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng/ Dịch vụ cung cấp	Giá trị HĐ dự kiến
1	Habufa meubelen B.V	Hợp đồng nguyên tắc: cung cấp hàng nội thất	85.123.612.000
2	Công ty CP đầu tư và dịch vụ Vĩnh An	Gỗ keo ghép thanh	5.612.346.630
3	Công ty TNHH Mộc Phước Sanh	Tấm Plallet	7.456.163.012
4	Đại học Lâm Nghiệp	Gia công hàng hóa	14.565.632.023
5	Interbuild Far East	Nội ngoại thất	6.595.511.200
6	Global Wood Corporation	Nội thất	4.786.621.010
7	Eurogold Việt Nam	Nội thất	6.323.200.200
8	Wünsche Group	Nội thất	5.123.012.030
9	M Design	Hàng tiện ích bằng gỗ	3.455.623.012
10	BIM Group	Nội thất	13.451.632.013
11	Vimefulland	Nội thất	12.447.898.450

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng/ Dịch vụ cung cấp	Giá trị HĐ dự kiến
12	Công ty CP đầu tư XNK Thanh Phát	Ván ghép thanh	12.988.766.520
13	Apec Group	Hợp tác các gói thầu về nội thất	13.012.013.020
14	Công ty CP Hãng Sơn Đông Á	Nội thất	9.784.563.010
15	Vimdimex Group	Hợp tác các gói thầu về nội thất	9.689.977.990
16	Công ty TNHH Một thành viên Minh Trúc Xuân	Ván ghép thanh, tre luồng	21.456.310.120
17	Công ty TNHH D&G Việt Nam	Tre luồng	30.123.027.960
18	Công ty CP chế biến gỗ Bắc Việt	Nội thất, ván ghép thanh	30.120.236.020
19	Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest	Nội thất	1.233.261.251
20	Công ty TNHH IZI Global Contract	Nội thất	26.789.456.020
21	Công ty CP Vật liệu tre gỗ sinh thái Minh Thắng	Nội thất, ván ghép thanh	12.013.360.120
22	Công ty TNHH XNK Gỗ Hưng Thịnh	Nội thất, ván ghép thanh	4.512.563.012
23	Công ty TNHH Lâm sản An Khang	Ván ghép thanh, ván cốppha	16.497.545.633
24	Công ty CP Xây dựng và thương mại Hưng Thịnh	Ván ghép thanh, ván cốppha	11.363.020.150
25	Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Savico	Hàng nội thất, ván ghép thanh	5.463.120.122
26	Công ty TNHH Thiên Phát	Hàng nội thất, thiết kế nội thất	6.789.975.612
27	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden Star	Hàng nông sản	4.562.601.500
28	Các đại lý hàng nông sản, chăn nuôi	Theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp: Hàng nông sản, chăn nuôi	57.894.660.123

STT	Tên khách hàng	Mặt hàng/ Dịch vụ cung cấp	Giá trị HĐ dự kiến
29	Các hợp đồng cung cấp HH, DV khác		26.456.936.440
Tổng số			465.692.646.203

(Nguồn: BKG Việt Nam)

Bảng 27: Một số hợp đồng ký mới với các dự án xây dựng và đối tác

STT	Khách hàng	Mặt hàng	Giá trị hợp đồng	Tỷ suất lợi nhuận dự kiến
1	Woodnet Ltd	Nội thất	6.500.000 USD/năm	8%
2	Forest Products Distributors (FPD)	Ván ghép thanh	2.048.000 USD/năm	8,5%
3	Công ty cổ phần cơ khí Thịnh Cường Việt Nam	Nội thất Ngoại thất	8.000.000.000đ/năm	8%
4	Dự án Hdmon – Hdmon Holding	Nội thất	64.000.000.000đ/dự án	18%
5	Dự án nhà ở xã hội IEC	Nội thất	25.000.000.000đ/dự án	22%
6	Công ty CP Archi Reenco Hòa Bình	Nội thất (các khu Resort)	18.000.000.000đ/dự án	20%
7	Flamingo Đại Lải Resort	Nội thất	25.000.000.000đ/dự án	18%
8	Công ty TNHH MTV Vật tư công nghiệp Newstar	Hòm đạn- Bộ Quốc phòng	15.000.000.000đ/năm	12%
9	Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và thương mại Phú Thịnh	Nội thất	20.000.000.000đ/năm	18%
10	Công ty Cổ phần TM và XNK Gỗ Hưng Thịnh	Ván ghép thanh	15.000.000.000đ	8%
11	Các khách hàng lẻ	Nội thất	18.000.000.000đ	25%
12	Các khách hàng lẻ	Ván ghép thanh	2.000.000.000đ	15%

➤ **Định hướng phát triển chiến lược của Công ty**

Tuân thủ pháp luật:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

– Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

– Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

– Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.

– Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

– Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để phát triển thị trường kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường tìm kiếm các sản phẩm mới, nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm phân phối.

– Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

– Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc mảng thị phần, khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các nguồn hàng, duy trì thường xuyên mối thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

– Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người và môi trường. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.

– Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

Phát triển nguồn nhân lực:

– Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

– Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, cùng với việc phân tích ngành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cho rằng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam là phù hợp với tình hình thị trường, có thể thực hiện được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. SBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu.**
3. Mã chứng khoán **BKG**
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: **32.000.000 cổ phiếu**
5. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký niêm yết theo mệnh giá: **320.000.000.000 đồng.**
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **12.750.000** cổ phiếu chiếm **39,84%** vốn điều lệ.

Bảng 28: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng tiếp theo
1	Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	3.000.000
2	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.800.000	2.400.000
3	Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.500.000	750.000
4	Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT độc lập	50.000	25.000
5	Điền Văn Trung	Thành viên HĐQT độc lập	50.000	25.000
6	Trần Ngọc Lan	Trưởng BKS	80.000	40.000
7	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên BKS	50.000	25.000

8	Đặng Phước Đức	Thành viên BKS	20.000	10.000
9	Phạm Lương Bảo Ngọc	Kế toán trưởng	200.000	100.000
Tổng			12.750.000	6.375.000

7. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được tính theo công thức sau

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Bảng 29: Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Vốn chủ sở hữu	337.559.011.319	357.374.788.422	368.046.500.089
Cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000	32.000.000
Giá trị sổ sách một cổ phiếu	10.549	11.168	11.501

8. Phương pháp tính giá

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân.}$$

Trong đó:

- P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành gỗ, cơ cấu doanh thu trong năm 2018 và 2019 chủ yếu là sản xuất nội thất, sản xuất các sản phẩm về gỗ và xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu (Book Value per share) được tính theo công thức

$$BVS = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu - Cổ phiếu quỹ}}$$

- ❖ Giá trị sổ sách cổ phiếu tại các thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
----------	------------	------------	------------

Vốn chủ sở hữu	337.559.011.319	357.374.788.422	368.046.500.089
Tổng số lượng cổ phiếu	32.000.000	32.000.000	32.000.000
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	10.549	11.168	11.501

❖ P/B của các Doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: đồng

Tên Công ty	Sở Giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2019	VCSH ngày 31/12/2019	Giá trị sổ sách ngày 31/12/2019	Giá cổ phiếu ngày 13/11/2020	P/B
		(1)	(2)	(3) = (2)/(1)	(4)	(5) = (4)/(3)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành (GDT)	HOSE	16.942.208	278.324.844.954	16.428	37.500	2,28
Công ty Cổ phần Phú Tài (PTB)	HOSE	47.299.884	1.846.603.536.569	39.040	54.500	1,4
CTCP Chế biến Gỗ Thuận An (GTA)	HOSE	9.830.000	168.526.161.340	17.144	11.700	0,68
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn (SMA)	HOSE	19.021.499	218.823.692.763	11.504	8.500	0,74
CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (TLD)	HOSE	18.719.788	227.394.108.514	12.147	6.820	0,56
Bình quân						1,13

(Nguồn: Website của HSX)

❖ Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Vốn chủ sở hữu	357.374.788.422 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	32.000.000 cổ phiếu
Book Value 31/12/2019	11.168 đồng
P/B tham chiếu	1.13 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B	12.640 đồng/cổ phiếu

b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân.}$$

Trong đó:

P: giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng gỗ, cơ cấu doanh thu trong năm 2018 và 2019 chủ yếu là sản xuất nội thất, sản xuất các sản phẩm về gỗ và xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

❖ P/E của một số doanh nghiệp trong ngành:

Tên Công ty	Sở giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2019	EPS năm 2019 (đồng)	Giá cổ phiếu ngày 13/11/2020	P/E
			(1)	(2)	(2)/(1)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành (GDT)	HOSE	16.942.208	4.276	37.500	8,77
Công ty Cổ phần Phú Tài (PTB)	HOSE	47.299.884	9.130	54.500	5,97

CTCP Chế biến Gỗ Thuận An (GTA)	HOSE	9.830.000	1.816	11.700	6,29
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn (SMA)	HOSE	19.021.499	676	8.500	12,57
CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (TLD)	HOSE	18.719.788	724	6.820	9,42
Bình quân					8,60

❖ Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E được tính như sau:

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	19.815.777.103 đồng
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành	32.000.000 cổ phần
EPS năm 2019	619 đồng/cổ phần
P/E tham chiếu	8,60 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	5.323 đồng/cổ phiếu

❖ Tổng hợp kết quả định giá

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam được ước tính là trung bình cộng gia quyền 02 mức giá với tỷ trọng giá tính theo phương pháp P/B là 80%, tỷ trọng giá tính theo phương pháp P/E là 20%:

Phương pháp	Tỷ trọng	Giá cổ phiếu (đồng)
Theo phương pháp P/B	80%	12.640
Theo phương pháp P/E	20%	5.323
Trung bình giá		11.177

Căn cứ vào kết quả nêu trên, Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đề xuất mức giá chào sàn của Công ty trong ngày giao dịch đầu tiên là: **11.000 đồng/cổ phiếu**.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Điều 2 Nghị định 60/NĐ-CP/2015 ban hành ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty đại chúng được quy định như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà Công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c nói trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Hiện nay các ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam không thuộc trường hợp hạn chế tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do các văn bản pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện, đồng thời, với định hướng phát triển hiện tại, Công ty định hướng áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật là tối đa 49% .

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tại ngày 10/04/2020 là 0,625% số lượng cổ phần đang lưu hành.

10. Các loại thuế có liên quan

10.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung*

một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính” Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

b. Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế GTGT mà Công ty phải chịu là 10%.

c. Thuế xuất nhập khẩu

Các hàng hóa xuất khẩu của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016 và các văn bản pháp luật có liên quan.

10.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế TNCN và căn cứ Khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BT, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN năm 2008.

PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức đăng ký niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.2283.2468

Fax: 024.2283.2468

Email: info@bkgvietnam.com

Website: <http://bkgvietnam.com>

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Lầu 6, số 88 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3942 8076

Fax: 024 3942 8075

Website: <http://www.sbsc.com.vn/>

3. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Toà nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.3742.5888

Fax : 024.3757.8666

Website: <http://kiemtoanttp.com/>

PHẦN VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục V** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và Báo cáo tài chính Quý III năm 2020 của Công ty;
- 4. Phụ lục VI** : Giới thiệu văn bản pháp luật có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN CÔNG THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HƯNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN NGỌC LAN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
CHI NHÁNH HÀ NỘI



NGUYỄN VĂN THÀNH

